

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI

TIỂU BỘ 1 & 3



Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	17
1 Lakumthakabhaddiya - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 257.....	22
2 Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286	24
3 Lang băm - Mong đệ tử của ta, Không hành nghề lang băm - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744.....	27
4 Lang thang bao kiếp sống, Ta tìm nhưng chẳng gặp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61	35
5 Langha Rakkhita – Tiểu III, 115	38
6 Leo lên lầu Niệm xứ, Từ đây ta quán sát - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379	40
7 Liêm khiết - Làm chung mới biết liêm khiết của người - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234.....	46
8 Liễu Tri Năm thủ uẩn, Tu tập con đường Thánh - kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250	50
9 Liễu tri - Ai không liễu tri Phần nộ, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 301.....	53

- 10 Liễu tri - Ai không liễu tri Si, không thể diệt khổ
- Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 30055
- 11 Liễu tri - Ai không liễu tri Sân, không thể diệt khổ
- Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 299
.....57
- 12 Liễu tri - Ai không liễu tri mạn, không thể diệt khổ
- Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297
.....59
- 13 Liễu tri - Ai không liễu tri tham, không thể diệt khổ
- Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 298
.....61
- 14 Lo lắng cho người khác - 3 tâm tư bất thiện -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 396.....63
- 15 Lomasakangìya – Tiểu III, 3665
- 16 Loài người sợ hoảng hốt, Tìm nhiều chỗ quy y -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67.....67
- 17 Loạn luân - 2 pháp trắng che chở cho đời - Kinh
Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 34171
- 18 Lumbini - Ân sĩ Asita thấy chư Thiên hoan hỷ
Bồ tát hạ sanh - Kinh Nàlaka - Tiểu I, 66673

- 19 Luân hồi - Bị bao phủ bởi Vô minh triền cái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302.....86
- 20 Luân hồi - Bị dục và hữu trói buộc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 42688
- 21 Luân hồi - Bị trói buộc bởi Ái kiết sử, chúng sanh phải... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 30390
- 22 Luân hồi - Cắt đứt được luân chuyển, Đạt được sự không dục - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 254.....92
- 23 Luân hồi - Do không thấy Bốn Thánh đế nên luân hồi dài - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187.....93
- 24 Luân hồi - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 26295
- 25 Luân hồi - Kinh Uttiya – Tiểu III, 10798
- 26 Luân hồi - Lang thang bao kiếp sống, Ta tìm nhưng chẳng gặp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61100
- 27 Luân hồi - Lửa tham sân si - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422.....103

- 28 Luân hồi - Người có ái làm bạn, Bị luân hồi dài dài - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 443106
- 29 Luân hồi - Như hồ không bùn nhơ, Không luân hồi vì ấy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49108
- 30 Luân hồi - Quán năm uẩn, Vòng sanh tử đoạn tận - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98.....111
- 31 Luân hồi - Ta luân hồi nhiều đời, Chạy dài tìm không được - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89113
- 32 Luân hồi - Thuyết pháp cho bà con - Kinh Gotama – Tiểu III, 207114
- 33 Luân hồi - Thấy như thật các uẩn, Đoạn sanh tử luân hồi - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96116
- 34 Luân hồi - Thế Tôn, bậc vĩ đại không sanh hữu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453 ..117
- 35 Luân hồi - Trôi lăn luân hồi, khổ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89121
- 36 Luân hồi - Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177125

- 37 Luân hồi - Tăng nghĩa địa hải hùng, Chết chứa
sự tái sinh - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281
.....128
- 38 Luân hồi - Vòng sanh tử luân chuyển - Kinh
Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 424.....131
- 39 Luân hồi - Xương của một người chồng chết
như... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315
.....132
- 40 Luân hồi - Đêm dài cho kẻ thức, Đường dài cho
kẻ mệt - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43134
- 41 Luân hồi - Đường luân hồi đoạn tận, Nay không
còn tái sinh - Kinh Ekadhamma Savanniya –
Tiểu III, 78138
- 42 Luân hồi sanh tử - Kinh Sissupacàlà – Tiểu III,
633.....140
- 43 Luân hồi sanh tử tận, Thoát khỏi ma trói buộc -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 199.....143
- 44 Luân hồi sanh tử tận, Vị ấy không tái sinh - Kinh
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198144
- 45 Luân hồi được đoạn tận, Không còn có sanh y -
Kinh Dhammika – Tiểu III, 224146

- 46 Luôn luôn được an tịnh, Thường năm giữ chánh niệm - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79149
- 47 Luật tạng - Kinh Upàli – Tiểu III, 203151
- 48 Ly tham - Tám ngành, đường thù thắng, Ly tham, pháp thù thắng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85.....153
- 49 Ly tham mọi cảm thọ - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266.....157
- 50 Ly ái, không chấp thủ - Kinh Sarabhangā – Tiểu III, 295160
- 51 Làm biếng - Bị đệ tử quở trách - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142.....163
- 52 Làm biếng - Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493165
- 53 Làm biếng bị Phật quở trách - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49.....172
- 54 Làm biếng bị chỉ trích - Kinh Matanga Putta Con Của Mātanga – Tiểu III, 195173
- 55 Làm biếng, bị Phật quở trách - Kinh Dāsaka – Tiểu III, 27175

- 56 Làm biếng, bị quả trách, rồi thiên quán và chúng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109177
- 57 Làm bạn với thiện - Ta không thấy chi phần nào nhiều lợi ích như... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305179
- 58 Làm cùng tận khả năng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92.....181
- 59 Làm việc không đáng làm, Việc đáng làm không làm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89184
- 60 Làng mạc hay rừng núi Thung lũng hay đồi cao - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49188
- 61 Lành thay điều được nghe, Lành thay hạnh phúc sống - Kinh Kumaputta Con Của Kunmà – Tiểu III, 46.....191
- 62 Lành thay, phòng hộ mắt, Lành thay, phòng hộ tai - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102193
- 63 Lành thay, phòng hộ thân, Lành thay, phòng hộ lời - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102.....198
- 64 Lành thay, thấy Thánh nhân, Sống chung thường hưởng lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71203

- 65 Lành thay, điều phục tâm_ Tâm điều, an lạc đến
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38206
- 66 Lâu đài - Được nuôi dưỡng trong ba lâu đài -
Kinh Bhùta – Tiểu III, 307209
- 67 Lâu đài bị chìm được làm nổi lên - Kinh
Bhaddaji – Tiểu III, 153213
- 68 Lãnh vực của Ma - Kinh Câu hỏi của thanh niên
12 Bhadràvudha - Tiểu I, 805.....215
- 69 Lìa rừng lại hướng rừng, Thoát rừng chạy theo
rừng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97.....217
- 70 Lòng bàn tay - Kinh Nàgita – Tiểu III, 95 ...223
- 71 Lòng tham không đáy - Dầu mưa bằng tiền
vàng, Các dục khó thỏa mãn - Kinh Pháp Cú -
Tiểu I, 67224
- 72 Lòng tham vô đáy của con người - Kinh
Ratthapàla – Tiểu III, 385.....228
- 73 Lòng tin là tài sản tối thắng cho con người - Kinh
Alavaka - Tiểu I, 520236
- 74 Lỗi cây - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 250 242

- 75 Lỗi cây giải thoát - Kinh Phật Thuyết Như Vậ
- Tiểu I, 347244
- 76 Lùn - Người lùn - Kinh Lakuntaka Bhaddiya –
Tiểu III, 286246
- 77 Lúc trẻ, không phạm hạnh, Không tìm kiếm bạc
tiền - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61249
- 78 Lãng xãng - Việc làm lãng xãng này, Có nghĩa
gì cho ông - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124
.....252
- 79 Lương y - Bạc Y vương Vô thượng - Kinh Sela
– Tiểu III, 399254
- 80 Lương y - Có vị lương y nào, Rút mũi tên cho ta
- Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379262
- 81 Lười biếng - Ai sống một trăm năm, Lười nhác
không tinh tấn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51..268
- 82 Lười biếng - Cũng vậy đến kẻ nhác, Người hạnh
tốt cũng chìm - Kinh Vimala – Tiểu III, 209272
- 83 Lười biếng - Người ưa ngủ, ăn lớn, Nằm lãn lóc
qua lại - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94274
- 84 Lười biếng - Trọn đêm Thầy nằm ngủ, Ban ngày
thích tụ hội - Kinh Nita – Tiểu III, 94277

- 85 Lười biếng bị chỉ trích - Kinh Matanga Putta
Con Của Mātanga – Tiểu III, 195.....279
- 86 Lạc - Dục lạc gì ở đời, Kể cả thiên lạc này - Kinh
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 132.....281
- 87 Lạc - Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc
này - Kinh Bhūta – Tiểu III, 307283
- 88 Lạc - Khổ nào sánh khổ uẩn, Lạc nào bằng tịnh
lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71288
- 89 Lạc - Nhờ từ bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89291
- 90 Lạc - Trước tâm này buông lung, Chạy theo ái,
dục, lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94.....295
- 91 Lạc bắt lạc - Đội quân của ác ma - Kinh Tinh
Cần - Tiểu I, 600.....298
- 92 Lạnh nóng quá, làm biếng - Kinh Matanga Putta
Con Của Mātanga – Tiểu III, 195.....304
- 93 Lấy không giận thắng giận, Lấy thiện thắng
không thiện - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75.....306
- 94 Lấy ví dụ con bò bị ngã để sách tấn mình - Kinh
Ramaṇiya Vihārim – Tiểu III, 56309

- 95 Lấy ví dụ con nai mẹ để tinh tấn tu tập - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115311
- 96 Lấy ví dụ cây lau để tinh tấn tu tập - Kinh Usabha – Tiểu III, 116.....313
- 97 Lấy vợ người - Ba lần bị chồng bỏ - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703315
- 98 Lậu hoặc - Chính do lậu hoặc này, Bị Thần chết chi phối - Kinh Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802328
- 99 Lậu hoặc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 361.....330
- 100 Lậu hoặc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 362.....332
- 101 Lậu tận - 2 pháp đưa đến hỷ lạc để diệt lậu tận - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 333.....333
- 102 Lậu tận - 3 tiếng của chư Thiên - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 399335
- 103 Lậu tận - Kinh Suràdha – Tiểu III, 135338
- 104 Lậu tận - Lậu hoặc tận dành cho người biết Bốn Thánh đế - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 438.....339

- 105 Lậu tận - Với ai lậu hoặc đoạn, Không y tựa đồ
ăn - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100341
- 106 Lắm mồm - Không được công nhận là đệ tử của
Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447
.....342
- 107 Lắm mồm, lắm miệng - 4 hạng người tu - Kinh
Cunda - Tiểu I, 490344
- 108 Lọc vàng - Như thợ vàng lọc bụi, Trừ cái uế nơi
mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78348
- 109 Lỗ mãng - Dễ thay, sống không hổ, Sống lỗ
mãng như quạ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78 ..353
- 110 Lỗi làm - Ác nhẹ như đầu lông, Xem nặng như
mây trời - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444358
- 111 Lỗi mình, lỗi người - Dễ thay thấy lỗi người, Lỗi
mình thấy mới khó - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78
.....370
- 112 Lỗi mình, lỗi người - Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm - Kinh Pháp Cú - Tiểu
I, 40375
- 113 Lời Phật dạy Tỷ kheo ni có tâm dao động - Kinh
Guttà – Tiểu III, 622379

114 Lời dạy của Trưởng lão Godatta - Kinh Godatta – Tiểu III, 355	381
115 Lời dạy của Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331	385
116 Lời dạy của Trưởng lão Sona - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347	388
117 Lời dạy của Trưởng lão Sàriputta - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444	393
118 Lời dạy của Trưởng lão Upasena - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328 - copie	405
119 Lời dạy của trưởng lão Mahà Kassapa - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466	409
120 Lời khuyên đến tốt lành - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19	422
121 Lời khéo nói - 4 chi phần - Kinh Khéo Thuyết - Tiểu I, 605.....	424
122 Lời nói được thận trọng, Tâm tư khéo hộ phòng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85	427
123 Lời phát nguyện trong quá khứ - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34	431

124	Lời phát nguyện trong quá khứ - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33	433
125	Lời phát nguyện trước các Đức Phật quá khứ - Kinh Tissa – Tiểu III, 105	434
126	Lợi danh - Đội quân của ác ma - Kinh Tinh Cần - Tiểu I, 600	436
127	Lợi dưỡng - Bị cung kính chinh phục - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 397	442
128	Lợi dưỡng, cung kính - 3 tâm tư bất thiện - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 396	445
129	Lợi mình, lợi người - Dầu lợi người bao nhiêu, Chớ quên phần tư lợi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65.....	447
130	Lợi ích giữa cư sĩ và tu sĩ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 445.....	450
131	Lợi, bất lợi, dao động, Họ không chứng thiên định - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110.....	452
132	Lừa đảo - Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447	453

- 133 Lửa - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Tissa – Tiểu III, 48455
- 134 Lửa - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49456
- 135 Lửa - Sao ông không đốt thứ lửa khác _ - Kinh Jotidàra – Tiểu III, 140457
- 136 Lửa - Tà kiến Thờ lửa - Kinh NadiKassapa – Tiểu III, 240459
- 137 Lửa - Từ bỏ thờ lửa, theo chánh pháp, chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvaja – Tiểu III, 189.....461
- 138 Lửa nào bằng lửa tham, Cháp nào bằng sân hận - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78463
- 139 Lửa nào sánh lửa tham, Ác nào bằng sân hận - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71.....468
- 140 Lửa tham sân si - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422.....471
- 141 Lửa tham, lửa sân, lửa si - Kinh Sissupacàla – Tiểu III, 633474

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Lakumthakabhaddiya - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 257

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 257 (Ud 76)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvṭṭhi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapindika. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Lakumthakabhaddiya** đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Lakumthakabhaddiya đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, xấu xí, khó nhìn, khòm lưng, phần lớn bị các Tỷ-kheo khinh bỉ, thấy vậy, nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Thầy có thấy chăng Thầy Tỷ-kheo này từ đằng xa đi theo sau lưng nhiều Tỷ-kheo, xấu xí, khó nhìn, khòm lưng, phần lớn bị các Tỷ-kheo khinh bỉ?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

- Tỷ-kheo ấy, nay các Tỷ-kheo, **có đại thần lực, có đại uy lực**, thiên chúng không dễ gì chúng được, thiên chúng ấy trước đây Tỷ-kheo ấy không thực hành tốt đẹp. Và vì mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, **vì ấy**

ngay trong hiện tại tại tự mình với thắng trí chúng ngộ
chúng đạt và an trú.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*5. Bộ phận không khuyết thiếu,
Có tán trắng che trên,
Chỉ có một bánh xe,
Chiếc xe được di chuyển.*

*Hãy thấy vị ấy đến,
Không phiền muộn khó khăn,
Dòng nước đã cắt đứt,
Vị ấy không trói buộc.*

2 Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286

Lakuntaka Bhaddiya – *Tiểu III*, 286 (225)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là Bhaddiya, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là Lakuntaka Bhaddhiya (Bhaddiya người lùn).

Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt.

Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đề tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, **phát triển thiền quán** và trở thành một vị Bất Lai.

Về sau nhờ Tôn giả Sàriputta dạy tu **thân hành niệm**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*466. Ra ngoài các khu vườn,
Tên Ambàtaka,
Trong rừng với lùm cây,
Ái, ái căn từ bỏ,*

*Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.*

*467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.*

*468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì **thân hành niệm**,
Thường hằng ở mọi giới.*

*469. Cười chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,
Chúng không biết được ta,
Vì **dục** tham chi phối.*

*470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chận bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lời cuốn.*

*471. Không biết được phần trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,
Cũng bị tiếng lời cuốn.*

*472. Quán trí được phần trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Thấy không bị chướng ngại,
Không bị tiếng lời cuốn.*

3 **Lang băm - Mong đệ tử của ta, Không hành nghề lang băm - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744**

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,***

Thường chánh niệm học tập.

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Ty-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,

Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.*

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về **biệt giải thoát,**
Hoặc về **pháp thiên đình?***

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,**
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,*

*Nghe câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thô được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thô được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,*

Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** *ngỉ có chừng mực,*
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng** **bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. *Tỷ-kheo không run sợ,*
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,

*Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nô,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỷ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
*Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Tỷ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,

Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,
Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi
Tự mình thấy được pháp,

*Không nghe theo tin đồn,
Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.*

4 Lang thang bao kiếp sống, Ta tìm nhưng chẳng gặp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61

Phẩm Già – *Tiểu I*, 61

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu,
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không **tìm ngọn đèn**?

147. **Hãy xem bong bóng đẹp,**
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.

148. **Sắc này bị suy già,**
Ồ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chầm dứt mạng sống.

149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vát bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bỏ câu,
Thấy chúng còn vui gì?

150. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.

151. Xe vua đẹp cũng già.
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng **tuệ** không tăng trưởng.

153. Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. **Ôi! Người làm nhà kia**
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,

Tham ái thấy tiêu vong.

155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rũ, không tôm cá.

156. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.

5 Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có con nai mẹ nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "Thật vậy, thế giới này bị **ái** triển trối buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mãi,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,
Đến lời dạy Bốn Sự.
Như vậy vị ấy sống,*

*Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

6 Leo lên lâu Niệm xứ, Từ đây ta quán sát - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bảy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

*747. Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,*

Nhưng **tâm** không an tịnh.

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trói buộc,

Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phẫn nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. Các tùy kiến không đoạn,
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đâm, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với **sáu xúc xứ**,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lương y** nào,

Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Ầy bụi bùn không thoát,
Ầy man trá, tạt đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?

Ai chặt đứt cây leo?

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. **Cột gút đã lâu ngày,**
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cười, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.

7 Liêm khiết - Làm chung mới biết liêm khiết của người - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 234 (Ud 64)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, lâu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ Thế Tôn vào buổi chiều, từ độc cư thiền tịnh đứng dậy và đến ngồi tại một ngôi nhà nhỏ phía cửa ngoài.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ, với nách đầy lông, với móng tay dài, mang các dụng cụ khát sĩ, đã đi ngang qua Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy, nói lên ba lần tên của mình: "*Thưa chư Tôn giả, con là vua Pasenadi nước Kosala!*"

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lỏa thể, bảy vị mặc một y, và bảy vị du sĩ ấy đã đi ngang qua không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

- Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kàsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, thọ hưởng vàng và bạc thời Đại vương **thật khó biết được** các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả.

- Thưa Đại vương, chính phải **cộng trú** mới biết được **giới đức** của một người và như vậy **phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý không phải không có tác ý; phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.**
- Thưa Đại vương, chính phải có **liên hệ** mới biết được **sự thanh liêm** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.

- Thừa Đại vương, chính trong thời gian **bất hạnh** biết được **sự trung kiên** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý; phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.
- Thừa Đại vương, chính phải **đàm luận** biết được **trí tuệ** của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thừa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải với ác tuệ". Bạch Thế Tôn, có những trình thám này của con những người trinh sát sau khi đi trinh sát mặt nước, chúng đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết. Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớt, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, chúng được hầu hạ sẵn sàng và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

2. *Phải siêng năng cố gắng,
Tại bất cứ chỗ nào,*

*Chớ trở thành là người
Thuộc vào con người khác.
Chớ có sống ỷ lại,
Nương tựa vào người khác,
Chớ sống nghề buôn bán,
Đem pháp để kiếm lời.*

8 Liểu Tri Năm thủ uẩn, Tu tập con đường Thánh - kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250

Sonakutikanna – Tiểu III, 250 (208)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Avanti, trong một gia đình rất giàu có, và được đặt tên là Sona. Vì đeo một bông tai đắt giá, ngài cũng được gọi là Koti hay Kutikanna (người có lỗ tai đắt giá).

Lớn lên, ngài trở thành một điền chủ, và khi Trưởng lão Mahà Kaccàna ở gần bên nhà, ngài cung cấp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động, xin xuất gia với Trưởng lão Kaccàna. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn.

Được phép ngủ đêm trong chái phòng đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu Athaka. Khi đọc đến câu: "*Thấy sự nguy hiểm của một đời thế tục*", ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài được đức Bôn Sur bằng lòng về ba vấn đề mà vị Trưởng lão Mahà Kaccàna giao cho ngài hỏi, ngài trở về chỗ cũ và thừa lại với bậc giáo thọ sư của

mình (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập Udàna và tập số Anguttara, nhưng ở đây lại nói ngài chứng quả A-la-hán khi còn học tập với vị giáo thọ sư của mình).

Rồi, trong khi sống, thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài ôn lại sự thành đạt của mình, và với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*364. Ta thọ được đại giới,
Ta giải thoát vô lậu,
Thế Tôn, ta được thấy,
Ta sống chung tịnh xá.*

*365. Thế Tôn, trải nhiều ngày,
Sống ngay ở ngoài trời,
Đạo Sư khéo an trú,
Rồi mới vào tịnh xá.*

*366. Trải y Tăng-già-lê,
Gotama nằm xuống,
Như sư tử hang đá,
Đoạn tận mọi sợ hãi.*

*367. Khéo lựa lời tốt lành,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Trước đức Phật tuyệt hảo,*

Sona thuyết diệu pháp.

368. Liễu Tri **Năm thủ uẩn,**
Tu tập con đường Thánh,
Đạt an tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

9 Liễu tri - Ai không liễu tri Phần nộ, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 301

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 301 (Ek II, 2) (It. 7)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Phần nộ**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri **Phần nộ**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với phần nộ phần uất,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí,
Từ bỏ phần nộ ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

10 Liễu tri - Ai không liễu tri Si, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 300

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 300 (Ek II, 1)
(It. 6)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **Si**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ **khổ đau**.*

Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri Si, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với si, bị si mê,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ si mê ấy,
Từ bỏ không bao giờ,
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

11 Liễu tri - Ai không liễu tri Sân, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 299

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 299 (Ek I, 10)
(It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **Sân**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri **Sân**, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với sân bị sân hận,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ sân hận ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

12 Liễu tri - Ai không liễu tri mạn, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 297 (Ek I, 8) (It. 4)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Mạn**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không có thể diệt được khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri **Mạn**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người bị mạn chi phối,
Do bị mạn trói buộc,
Nên hoan hỷ sanh hữu,
Do không liễu tri mạn,
Nên đi đến tái sanh.*

*Những ai đoạn diệt mạn,
Giải thoát, mạn hoại diệt,
Họ thắng mạn trói buộc,*

*Họ vượt qua nhiếp phục,
Tất cả mọi đau khổ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

13 Liễu tri - Ai không liễu tri tham, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 298

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 298 (Ek I, 9)
(It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Tham**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Tham, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với tham, bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

14 Lo lắng cho người khác - 3 tầm tư bất thiện - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 396

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 396 (Tik. IV, 1) (It. 72)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tầm tư bất thiện** này. Thế nào là ba?

- Tầm tư liên hệ đến **tự đề cao mình**.
- Tầm tư liên hệ đến **lợi dưỡng**, cung kính, danh vọng.
- Tầm tư liên hệ đến **lo lắng cho người khác**.

Này các Tỷ-kheo, có ba tầm tư bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai có sự liên hệ,
Tự đề cao chính mình,
Liên hệ đến lợi dưỡng,
Cung kính và tôn trọng,
Ai ưa thích, vui thích,
Làm thân, làm bạn hữu,
Những vị ấy đứng xa,
Diệt tận các kiết sử.*

*Ai từ bỏ con cái,
Từ bỏ các loài vật,
Từ bỏ các lễ cưới,
Bỏ cất chứa tài sản,
Tỷ-kheo ấy có thể,
Chúng Bồ-đề vô thượng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

15 Lomasakangiya – Tiểu III, 36

Lomasakangiya – Tiểu III, 36 (27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rất yếu đuối và thân ngài có lông mịn nên được gọi là Lomasakangiya.

Khi Anuruddha và một số hoàng tử trẻ Sakya xuất gia, ngài không theo. Rồi Candana, một người bạn cũ thời trước, hỏi về "**Nhứt dạ hiền giả** - Bhaddekaratta", ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và về xin phép cha mẹ.

Khi mẹ ngài sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau:

27. *Cỏ dabba, kusa,
Các loài cỏ đâm ngực,
Loài cỏ tên munja,
Cỏ tên pabbaja.
Từ nơi ngực của ta,
Ta sẽ đẩy chúng lui,
Ta sẽ làm tăng trưởng,
Hạnh cô độc viên ly.*

Nghe xong, mẹ ngài bằng lòng để ngài xuất gia, và được phép bậc Đạo Sư cho xuất gia.

Sau thời gian học tập, ngài muốn đi vào rừng để **thiền quán**. Các Tỷ-kheo ngăn lại, nói ngài yếu đuối làm sao sống trong rừng núi được. Ngài lập lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng **sáu thắng trí**. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ nói trên.

16 Loài người sợ hoảng hốt, Tìm nhiều chỗ quy y - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế.**"

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

17 Loạn luân - 2 pháp trắng che chở cho đời - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 341

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 341 (Duk. II, 5) (It. 36)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời.

*Thế nào là hai? **Xấu hổ** và **sợ hãi**.*

Này các Tỷ-kheo, nếu hai pháp này không che chở cho đời, thời ở đây **không có sự phân biệt** giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh, em của mẹ, hay giữa vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng; thế giới sẽ rơi vào **loạn luân** như các loài dê cừu, gia cầm, heo, chó và các con chó rừng.

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời, cho nên ở đây **có sự phân biệt** giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với những ai không có,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Họ đi xuống bào thai,
Dựa trên gốc tình dục
Họ đi đến sanh tử.*

*Với những ai chánh trí,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Vững trú trên Phạm hạnh,
Họ được sự an tịnh,
Tái sanh được diệt tận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

18 Lumbini - Ân sĩ Asita thấy chư Thiên hoan hỷ Bồ tát hạ sanh - Kinh Nàlaka - Tiểu I, 666

Kinh Nàlaka – Tiểu I, 666

679. **Ân sĩ Asita,**
Trong lúc giữa ban ngày,
Thấy chúng các chư Thiên,
Cõi trời Ba mươi ba,
Họ hoan hỷ vui vẻ,
Vội y áo, thanh tịnh,
Họ cung kính In-đà,
Các vị ấy cầm áo,
Vội nhiệt tình nói lên,
Những lời khen tán thán.

680. Thấy chư Thiên hoan hỷ,
Đồng dục và phấn chấn,
Vội tâm tư cung kính,
Ở đây, vị ấy nói.

Asita:

Vì sao chúng chư Thiên,
Lại nhiệt tình hoan hỷ?

*Họ cầm áo vui múa,
Là do nhân duyên gì?*

681. Trong thời gian chiến trận,
Vội các Asura,
Dũng sĩ được thắng trận,
Asura bại trận,
Thời gian ấy họ không,
Lông tóc dựng ngược dậy,
Họ thấy gì hy hữu,
Chư Thiên hoan hỷ vậy.

682. Họ la lớn ca hát,
Và họ tấu nhạc trời,
Họ múa tay, vỗ tay,
Họ múa nhảy vũ điệu,
Nay ta hỏi các Ông,
Trú đánh núi Meru,
Các Ngài hãy mau chóng,
Giải tỏa điều ta nghĩ.

Chư Thiên:

683. *Tại xứ **Lumbini**,
Trong làng các Thích-ca,
Có sanh vị Bồ Tát,
Báu tối thắng, vô tỷ,*

Ngài sanh, đem an lạc,
Hạnh phúc cho loài Người,
Do vậy chúng tôi mừng,
Tâm vô cùng hoan hỷ.

684. Ngài, chúng sanh tối thượng,
Ngài, loài Người tối thắng,
Bậc Nguru vương loài Người,
Thượng thủ mọi sanh loại,
Ngài sẽ chuyển Pháp luân,
Trong khu rừng ẩn sĩ,
Rống tiếng rống sư tử,
Hùng mạnh nhiếp loài thú.

685. Sau khi nghe lời ấy,
Ẩn sĩ Asita,
Liên vội vàng bước xuống,
Và đi đến đầu đài,
Cửa đức vua Tịnh Phạn.
Đến nơi Ngài ngồi xuống,
Nói với các Thích-Ca:
"Hoàng tử nay ở đâu,
Ta nay muốn thấy Ngài".

686. Thấy Thái tử chói sáng,
Rực rỡ như vàng chói,
Trong lò đúc nấu vàng,

Được thợ khéo luyện thành,
Bừng sáng và rực rỡ,
Vội dung sắc tuyệt mỹ,
Họ Thích trình Thái tử,
Cho **Ẩn sĩ Tư-đà**.

687. **Sau khi thấy Thái tử,**
Chói sáng như lửa ngọn,
Thanh tịnh như sao ngưu,
Vận hành giữa hư không,
Sáng chiếu như mặt trời
Giữa trời thu, mây tịnh,
Ẩn sĩ tâm hân hoan,
Được hỷ lạc rộng lớn.

688. **Chư Thiên cầm ngôi lọng,**
Đưa lên giữa hư không,
Cây lọng có nhiều cành,
Có hàng ngàn vòng chuyền.
Họ quạt với phát trần,
Có tán vàng, lông thú,
Nhưng không ai thấy được,
Kẻ cầm lọng, phát trần.

689. Bạc ẩn sĩ bện tóc,
Tên Cà-ha-xi-ri,
Thấy Thái tử nằm dài,

*Trên tấm chăn màu vàng,
Như đồng tiền bằng vàng,
Lại trên đầu Thái tử,
Có lông trắng đưa lên,
Tâm ẩn sĩ phẩn khởi,
Đẹp ý, lòng hân hoan,
Đưa tay bông Thái tử.*

690. Sau khi ẩm bông lên,
Con trai dòng họ Thích,
Bạc cầu đạo tìm hiểu,
Vượt khổ, nhờ tướng, chú,
Tâm tư được hoan hỷ,
Thốt lên lời như sau:
**Vị này bậc Vô thượng,
"Tối thượng loài hai chân".**

691. **Khi vị ấy nghĩ đến,
Số mệnh của tự mình,
Số mệnh không tốt đẹp,
Vị ấy rơi nước mắt,**
Thấy vậy, các Thích Ca,
Hỏi ẩn sĩ đang khóc:
"Có sự gì chướng ngại
Sẽ xảy cho Thái tử?"

692. Thấy họ Thích lo lắng,

Vị ẩn sĩ trả lời:

"Ta không thấy bất hạnh
Xảy đến cho Thái tử,
Đối với Thái tử ấy,
Chướng ngại sẽ không có,
Vị này không hạ liệt,
Chớ có lo lắng gì.

693. Thái tử này sẽ chứng,
Tối thương quả Bồ đề,
Sẽ chuyển bánh xe pháp,
Thấy thanh tịnh tối thắng,
Vì lòng tử thương xót,
Vì hạnh phúc nhiều người,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được truyền bá rộng rãi.

694. Thọ mạng ta ở đời,
Còn lại không bao nhiêu,
Đến giữa đời sống Ngài
Ta sẽ bị mệnh chung.
Ta không được nghe pháp,
Bạc tình cần vô tỷ,
Do vậy ta sầu não,
Bất hạnh và khổ đau".

695. Sau khi khiến họ Thích,

Sanh hoan hỷ rộng lớn,
Bạc sống theo Phạm hạnh,
Bước ra khỏi nội thành.

Vì ấy vì lòng từ,
Thương con trai của chị,
Khích lệ nó học pháp,
Bạc tình cần vô tỷ.

696. "Khi Ông nghe tiếng **Phật**,
Từ người khác nói lên,
Bạc đã đạt Bồ-đề,
Đã đi con đường pháp,
Hãy đi đến chỗ ấy,
Hỏi kỹ về đạo pháp,
Và sống đời Phạm hạnh,
Dưới bậc Thế Tôn ấy".

697. Như vậy, được khuyên bảo,
Bởi vị nghi hạnh phúc,
Vị thấy ở tương lai,
Đường tối thắng thanh tịnh.
Do vậy **Nà-la-ka**,
Với phước đức chất chứa,
Sống với căn hộ trì,
Chờ đợi **bạc chiến thắng**.

698. Khi nghe tin Pháp luân,

*Được bậc chiến thắng chuyển,
Đến thấy được hoan hỷ,
Bậc ẩn sĩ Nguru vương,
Hỏi Mâu ni tối thắng,
Pháp Mâu ni tối thượng,
Như Asita khuyên,
Trong buổi gặp gỡ trước.*

(Kệ mở đầu đã xong)

*699. Lời A-si-ta này,
Con biết là như thật,
Con hỏi Gotama,
Đường giải thoát mọi pháp?*

*700. Không nhà, con đi đến,
Tìm hạnh người khát sĩ,
Con hỏi bậc ẩn sĩ,
Hãy nói lên cho con,
Con đường đạo tối thượng,
Đưa đến đạo Mâu-ni.*

*701. Thế Tôn đáp như sau:
Khó hành, khó thực hiện,
Là đạo hạnh Mâu ni,
Ta sẽ cho Ông biết,
Hãy đến lắng tai nghe,*

Ta sẽ nói cho Ông,
Hãy vững trí, an thân,
Hãy kiên trì bền chí.

702. Hãy tu hạnh Sa-môn,
Không để bị dao động,
Giữa khen chê trong làng,
Hãy chế ngự tâm sân,
Sống hạnh thật an tịnh,
Không cống cao kiêu mạn.

703. Tiếng cao thấp phát ra,
Nhu ngọn lửa trong vườn,
Nữ nhân hay cám dỗ,
Chớ cám dỗ ẩn sĩ.

704. *Hãy từ bỏ dâm dục,*
Xả mọi dục cao thấp.
Đối hữu tình yếu mạnh,
Không đối nghịch, tham đắm.

705. Ta thế nào, họ vậy,
Họ thế nào, Ta vậy,
Lấy ngã làm ví dụ,
Chớ giết, chớ bảo giết.

706. *Hãy bỏ dục, bỏ tham,*

*Đây phàm phu bị nắm,
Bậc có mắt hành đạo,
Vượt địa ngục, loài Người.*

707. ***Bụng đói, ăn chừng mực,
Ít dục, không tham lam.
Vị ấy không ham dục,
Không dục, thật tịch tịnh.***

708. *Sau khi đi khát thực,
Ẩn sĩ vào rừng sâu,
Đi đến dưới gốc cây,
Sửa soạn ngồi an tịnh.*

709. *Bậc Hiền trí hành thiền,
Hoan hỷ trong rừng sâu,
Hành thiền dưới gốc cây,
Thỏa mãn sở thích mình.*

710. *Khi đêm hết, sáng đến,
Cần phải đi đến làng,
**Chớ hân hoan khát thực,
Đồ mang từ làng đi.***

711. *Ẩn sĩ không đi gấp,
Đến làng, giữa gia đình,
Tìm ăn, cắt nói chuyện,*

Không nói chuyện liên hệ.

712. *Nếu được, thật là tốt,
Không được, cũng là tốt,
Nghĩ vậy, cả hai mặt,
Vị ấy trở về cây.*

713. *Đi với bát cầm tay,
Không cầm, đáng như cầm,
Chớ khinh, đồ cho ít,
Không chê người đem cho.*

714. *Bậc Sa-môn thuyết giảng,
Con đường cao và thấp,
Nhưng đến bờ bên kia,
Không có hai con đường,
Tuy vậy chớ nghĩ rằng,
Đường này chỉ là một.*

715. *Với ai, không có tham,
Tỷ-kheo cắt dòng nước,
Đoạn tận hành thiện ác,
Vị ấy không sầu não.*

716. *Thế Tôn lại nói thêm:
Ta dạy cho các Ông
Thức tri **hạnh ẩn sĩ**,*

*Hãy tu như lưỡi dao,
Vói lưỡi ấn nóc hòng,
Hãy hạn chế bao tử.*

717. **Tâm chớ có thụ động,
Nhưng chớ nghĩ quá nhiều.**

*Không hời hám, độc lập,
Sống cứu cánh Phạm hạnh.*

718. **Hãy tập ngồi một mình,
Sống đúng hạnh Sa-môn.**

*Sống một mình được gọi,
Là hạnh bậc ẩn sĩ,
Nếu tự mình tìm được,
Thoải mái trong cô độc.*

719. *Hãy chói sáng mười phương,
Sau khi nghe tiếng nói,
Của các bậc hiền sĩ,
Hãy hành thiền, bỏ dục,
Mong đệ tử của Ta,
Tăng trưởng tâm và tín.*

720. **Hãy học các dòng nước,
Từ khe núi vực sâu.
Nước khe núi chảy ồn,
Biển lớn động im lặng.**

721. Cái gì trống kêu to,
Cái gì đầy yên lặng,
Ngu như ghè voi nước,
Bạc trí như ao đầy.

722. Khi Sa-môn nói nhiều,
Nói liên hệ đến đích,
Tư biết nên thuyết pháp,
Tư biết nên nói nhiều.

723. Ai biết, biết tư chế,
Ai biết, không nói nhiều,
Vị ấy là ẩn sĩ,
Xứng đáng hạnh ẩn sĩ,
Vị ấy là ẩn sĩ,
Đạt được hạnh ẩn sĩ.

19 Luân hồi - Bị bao phủ bởi Vô minh triền cái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 302 (Ek II, 4) (It. 7)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một triền cái nào khác, do bị bao trùm bởi triền cái ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, lưu chuyển. Này các Tỷ-kheo, tức là **Vô minh triền cái**.*

Này các Tỷ-kheo, bị bao trùm bởi Vô minh triền cái, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Không có một pháp khác,
Quần sanh bị bao phủ,
Ngày đêm chạy lưu chuyển,
Như bao phủ bởi **si**.*

*Và ai đoạn diệt si,
Đâm thủng khối u ám,*

Họ không lưu chuyển nữa,

20 Luân hồi - Bị dục và hữu trói buộc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 426

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 426 (Tik. V, 7) (It. 95)

Này các Tỷ-kheo,

- Những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **dục**, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu** là những bậc đến lại, đi đến lại có mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu**, những vị ấy là hạng **Bất lai**, không trở lui lại có mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**, chế ngự được sự trói buộc của **hữu**, những vị ấy là bậc **A-la-hán**, đã đoạn tận các lậu hoặc.

Những ai bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của dục,
Bởi trói buộc của hữu,
Bởi trói buộc cả hai,
Chúng sanh ấy đi đến,
Luân chuyển trong luân hồi,

Họ đi đến sanh tử.

*Những ai đoạn tận dục,
Nhưng chưa đạt thành được,
Sự diệt tận lậu hoặc,
Họ còn bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của hữu,
Họ được gọi Bất lai.*

*Những ai chặt đứt được,
Mọi nghi hoặc phân vân,
Đoạn tận được kiêu mạn,
Đoạn tận được tái sanh,
Chắc chắn trong đời này,
Họ đi đến bờ kia,
Vì họ đã đạt tới,
Sự đoạn diệt lậu hoặc.*

21 Luân hồi - Bị trói buộc bởi Ái kiết sử, chúng sanh phải... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 303

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 303 (Ek II, 5) (It. 8)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một kiết sử nào khác, do bị cột bởi kiết sử ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài, lưu chuyển, này các Tỷ-kheo tức là **Ái kiết sử**.*
- *Này các Tỷ-kheo, bị cột với ái kiết sử, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài lưu chuyển.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người có ái làm bạn,
Thời gian dài, lưu chuyển,
Không vượt được lưu chuyển,
Sanh hữu vậy hay khác.*

*Ai biết nguy hiểm này,
Biết ái tác thành khổ,
Bỏ ái, không chấp trước,*

*Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Bỏ gia đình xuất gia,
Sống nếp sống như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

22 Luân hồi - Cắt đứt được luân chuyển, Đạt được sự không dục - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 254

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 254 (Ud 74)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn, đang thuyết trình, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Tôn giả Bhaddiya người lùn; lại càng nhiệt tình hơn lên khi Tôn giả Sàriputta nghĩ rằng: "Tôn giả Bhaddiya người lùn là một vị hữu học".

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta với pháp thoại gồm nhiều pháp môn... là một vị hữu học. Sau khi hiểu biết ý nghĩa này, Thế Tôn ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*2. Cắt đứt được luân chuyển,
Đạt được sự không dục,
Hoàn toàn được khô cạn,
Nước sông không chảy nữa,
Cắt đứt, lưu chuyển đứng,
Là giải thoát đau khổ.*

23 Luân hồi - Do không thấy Bốn Thánh đế nên luân hồi dài - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – *Tiểu III*, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được *sáu thánh trí*.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,

Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

24 Luân hồi - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262

Mālunkya-putta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sāvattthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Mālunkya, nên ngài được gọi là **Mālunkya-putta (con bà Mālunkya)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,
Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,

Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.

400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thăm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sầu muộn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.

401. **Ai nhiếp phục được ái,**
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sầu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.

402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.

403. **Hãy hành lời Phật dạy,**
Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sầu khổ,

Thọ quả trong địa ngục,

404. **Phóng dật** như bụi bặm,
Bụi nhơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.

25 Luân hồi - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107

Uttiya – Tiểu III, 107 (99)

Ngài tái sinh ở Kapilavatthu, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là Uttiya.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, **thiền định của ngài bị thôi thất và lòng *đục* khởi lên.** Chê ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhàm chán các ***đục*** trong bài kệ sau đây:

99. *Nghe **tiếng**, mất chánh niệm,
Tác ý **tưởng** luyến ái,
Tâm cảm **thọ** say mê,
Đắm trước tướng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến nhiễm luân hồi.*

26 Luân hồi - Lang thang bao kiếp sống, Ta tìm nhưng chẳng gặp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61

Phẩm Già – *Tiểu I*, 61

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu,
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không **tìm ngọn đèn**?

147. **Hãy xem bong bóng đẹp,**
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.

148. **Sắc này bị suy già,**
Ồ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chầm dứt mạng sống.

149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vát bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bồ câu,
Thấy chúng còn vui gì?

150. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.

151. Xe vua đẹp cũng già.
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng **tuệ** không tăng trưởng.

153. Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. **Ôi! Người làm nhà kia**
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,

Tham ái thấy tiêu vong.

155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rữ, không tôm cá.

156. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.

27 Luân hồi - Lửa tham sân si - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 422 (Tik.
V, 4) (It. 92)

Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này. Thế nào là ba?
Lửa tham, lửa sân, lửa si. Này các Tỷ-kheo, có ba
loại lửa này.

*Lửa **tham** đốt cháy người,
Say mê trong các dục,
Còn lửa **sân** đốt cháy,
Những người có sân hận,
Những người giết, sát hại,
Các loại có sanh mạng.
Còn lửa **si** đốt cháy,
Những kẻ bị mê muội,
Những kẻ không tinh luyện,
Trong giáo pháp bậc Thánh.
Do **không** được biết rõ,
Các loại lửa như vậy,
Nên loài Người ưa thích,
Vui thích với có **thân**.
Họ làm cảnh địa ngục,
Được lớn mạnh tăng trưởng,*

*Kể cả giới bàng sanh,
Chỗ sanh xứ súc vật,
Cùng với A-tu-la,
Với cảnh giới quỷ đói,
Họ không được thoát khỏi,
Trói buộc của Ác ma.*

*Nhưng ai ngày và đêm,
Chú tâm vào, chuyên học,
Học những lời giảng dạy,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác.
Họ làm cho lắng dịu,
Ngọn lửa của lòng tham,
Luôn luôn ý thức được,
Tánh bất tịnh sự vật.*

*Với lòng thương, từ mẫn,
Những hạng người tối thượng,
Làm lắng dịu, chỉ tịnh,
Ngọn lửa của sân hận.*

*Còn **ngọn lửa si mê,**
Với trí tuệ dập tắt,
Trí tuệ này đưa đến,
Thể nhập vào chân lý.*

*Bậc thân trọng sáng suốt,
Ngày đêm làm lắng dịu,
Các loại lửa như vậy,
Không có biết mệt mỏi,*

Họ làm cho lắng dịu,
Không một chút dư tàn,
Những bậc Thánh đã thấy,
Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,
Thấy được nhờ chánh trí,
Do họ thắng tri được,
Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,
Sanh đi rồi sanh lại.

28 Luân hồi - Người có ái làm bạn, Bị luân hồi dài dài - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 443

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 443 (Cat. 6)
(It. 109)

Này các Tỷ-kheo, có **bốn sự sanh khởi này của ái**, ở đây ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo,

- Do nhân **y áo**, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **đồ ăn** khát thực, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **sàng tọa**, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **sanh hữu, không sanh hữu**, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái. Ở đây, ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo.

*Người có ái làm bạn,
Bị luân hồi dài dài,
Nó không vượt luân hồi,
Đời này qua đời khác.
Do biết nguy hại vậy,*

*Ái tác thành ra khổ,
Không còn có khát ái,
Không còn có chấp trước,
Vị Tỷ-kheo chánh niệm,
Du hành khắp đó đây.*

29 Luân hồi - Như hồ không bùn nhơ, Không luân hồi vị ấy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49

Phẩm ALaHán – *Tiểu I*, 49

90. Đích đã đến, không sâu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nảo.

91. Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.

93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,

Không, vô tướng, giải thoát.

Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.

94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trù, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.

95. Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.

97. Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.

98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,

Đất ấy thật khả ái.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.

30 Luân hồi - Quán năm uẩn, Vòng sanh tử đoạn tận - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98

Sàmidatta – Tiểu III, 98 (90)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Nhưng vì **thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập**, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Làm sao Hiền giả chứng được pháp Thượng nhân?" Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,*

*Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

31 **Luân hồi - Ta luân hồi nhiều đời, Chạy dài tìm không được - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89**

Mendasira – Tiểu III, 89 (78)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình một thị dân. Vì ngài giống con dê, ngài được tên là *Mendasira* (đầu dê).

Khi Thế Tôn ở Sàketa, tại rừng Anjana, Mendasira khởi lên lòng tin, xuất gia tu **chỉ và quán**, chứng được **sáu thắng trí**, ngài có thể nhớ đến các kiếp trước:

*78. Ta luân hồi nhiều đời,
Chạy dài tìm không được,
Với ta trong khổ sanh,
Khổ uẩn hay biến dạng.*

Và bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

32 Luân hồi - Thuyết pháp cho bà con - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – Tiểu III, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến nga quỷ,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tướng, Phi phi tướng.*

259. *Ta khéo biết **sinh hữu**,
Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

33 Luân hồi - Thấy như thật các uẩn, Đoạn sanh tử luân hồi - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96

Pavittha – Tiểu III, 96 (87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sống ở quốc độ Magadha, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiên về đời sống ẩn sĩ, ngài trở thành một du sĩ.

Sau khi học tập, ngài đi chỗ này chỗ khác, nghe Upatissa và Kolita (Sàriputta và Moggallàna) xuất gia theo đức Phật, nghĩ rằng giáo hội này phải tốt đẹp mới có những vị như vậy chấp nhận. Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ này:

*87. Thấy như thật các uẩn,
Mọi sanh hữu phá hủy,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Nay không còn tái sanh.*

34 Luân hồi - Thế Tôn, bậc vĩ đại không sinh hữu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 453 (Cat.
13) (It. 121)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo,

- **Thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác.** Như Lai **không hệ lụy** đối với đời.
- **Thế giới tập khởi** được Như Lai Chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai **đoạn tận**.
- **Thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới đoạn diệt được Như Lai **giác ngộ**.
- **Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã **tu tập**.
- Này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cái gì được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu,

được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là *Như Lai*.

- Nay các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn không có dư y trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy Ngài được gọi là Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên Ngài được gọi Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, do vậy Ngài được gọi là *Như Lai*.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

*Thắng tri mọi thế giới,
Mọi thế giới như thật,
Ly hệ mọi thế giới,
Không giống mọi thế giới.*

*Thắng tất cả bậc trí,
Giải thoát mọi buộc ràng.
Cảm thọ tối thắng tịnh,*

Niết-bàn, không sợ hãi,
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bậc giác ngộ trí giả,
Không dao động, nhiều loạn,
Nghỉ ngơi được chặt đứt,
Đạt diệt tận mọi nghiệp,
Giải thoát diệt sanh y,
Là Thế Tôn, là Phật,
Bậc Sư tử vô thượng,
Trong thế giới thiên giới,
Chuyển bánh xe Phạm luân.

Như vậy loài Trời, Người,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau, đánh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu,
Điều phục, bậc Tối thượng,
Trong người được điều phục,
An tịnh, bậc ẩn sĩ,
Những người được an tịnh.
Giải thoát bậc tối thượng,
Những người được giải thoát,
Vượt qua bậc tối thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này,
Không ai được bằng Ngài.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

35 Luân hồi - Trôi lăn luân hồi, khổ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89

Phẩm Tạp Lục – *Tiểu I*, 89

290. Nhờ từ bỏ **lạc nhỏ**,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng,
Không sao thoát hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,
Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,
Thường thường quán **thân niệm**,
Không làm việc không đáng,
Gắng làm việc đáng làm,
Người **tư niệm giác tỉnh**,
Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha,
Giết hai Vua Sát ly,
Giết vương quốc, quần thần,
Vô ưu, Phạm chí sống.

295. Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà-la-môn,
Giết hổ tướng thứ năm,
Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Phật Đà thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Chánh Pháp thường niệm.

298. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Tăng Già thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,

Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng sắc thân thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.

301. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui tu thiền quán.

302. Vui hạnh xuất gia, khó,
Tại gia sinh hoạt, khó,
Sống bạn không đồng, khó,
Trôi lăn luân hồi, khổ,
Vậy chớ sống **luân hồi**,
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh,
Ủ danh xưng tài sản,
Chỗ nào người ấy đến,
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa

Sáng tỏ như núi tuyết,
Người ác dầu ở gần,
Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.
Độc hành, không buồn chán,
Tự điều phục một mình,
Sống thoải mái rừng sâu.

36 Luân hồi - Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. *Upàli* cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả *Upàli* tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

37 Luân hồi - Tăng nghĩa địa hải hùng, Chất chứa sự tái sinh - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.**

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.**

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong **nữ sắc**.**

456. **Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.**

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

38 Luân hồi - Vòng sanh tử luân chuyển - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 424

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 424 (Tik.
V, 5) (It. 93)

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào, như thế nào, do quán sát như vậy, **thức** của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không chấp thủ, không bị khủng bố, sẽ không có sự sanh khởi, sự tập khởi của khổ về sanh già, chết, trong tương lai.

*Tỷ-kheo đã đoạn tận,
Cả bảy loại trói buộc,
Đã chấm dứt sợi dây,
Vòng sanh tử luân chuyển,
Đã đoạn tận chặn đứng,
Vị ấy không tái sanh.*

39 Luân hồi - Xương của một người chồng chất như... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 315 (Ek III, 4) (It. 17)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Các **xương** của một người, này các Tỷ-kheo, chạy dài, lưu chuyển có thể lớn như một đống xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu người lượm xương lại, gìn giữ chúng không làm chúng hủy hoại.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Chồng chất như xương người,
Chỉ sống có một kiếp,
Chất đống bằng hòn núi,
Bậc Đại sĩ nói vậy,
Đống xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Thành núi Magadha.*

Người thấy **Bốn sự thật**,
Với chân chánh trí tuệ
Khổ và khổ tập khởi
Sẽ vượt qua đau khổ
Con đường Thánh tám ngành,
Dẫn đến khổ tận chỉ,
Người ấy phải luân chuyển,
Tôi đa là bảy lần,
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết sử.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

40 Luân hồi - Đêm dài cho kẻ thức, Đường dài cho kẻ mệt - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;

Ác nghiệp chín muối rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy
Dục và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

41 Luân hồi - Đường luân hồi đoạn tận, Nay không còn tái sinh - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78

Ekadhamma Savanniya – *Tiểu III*, 78 (67)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sitavyà, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thế Tôn đến thăm Sitavyà, và ở tại rừng Singsapa, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đánh lễ ngồi xuống một bên, Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ: "*Các hành là vô thường*".

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ *đau khổ*, nghĩa chữ *vô ngã*, **triển khai thiên quán** và chứng quả A-la-hán.

Vì ngài chỉ nghe ***một pháp*** và chỉ nghe ***một mình*** mà chứng được Thánh quả, nên ngài được tên *Ekadhamma Savanniya (vì được nghe một pháp)*, ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

*67. Phiền não ta đốt cháy,
Mọi hữu được nhỏ lên,
Đường luân hồi đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

42 Luân hồi sanh tử - Kinh Sisupacàlà – Tiểu III, 633

Sisupacàlà – Tiểu III, 633 (61)

Câu chuyện giống như hai câu chuyện trước. Nàng theo gương người anh, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Hưởng thọ sự an lạc, nàng suy tư đến quả chứng, đã làm những điều cần làm và nói lên sự sung sướng của nàng:

*196. Tỷ-kheo-ni giữ giới,
Khéo hộ trì các căn,
Đạt được đạo an tịnh,
Nước cam lồ thuần tịnh.*

Ác ma:

*197. Chư Thiên cõi Ba mươi,
Đạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tỳ Tại.
Hãy hướng tâm chỗ ấy,
Chỗ xưa kia nàng sống.*

Khi Trưởng lão ni nghe vậy, liền nói: "**Hãy dừng lại, Ác ma! Dục giới mà ngươi nói đến, cho đến cả thế giới vũ trụ đều bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy. Tại chỗ ấy, người có trí không ưa thích**". Nêu rõ cho Ác ma thấy tâm của mình đã xa lìa Ma giới, nàng trách mắng Ác ma như sau:

198. *Chư Thiên cõi Ba mươi,
Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tự Tại.*

199. *Thời này đến thời khác,
Hữu này đến hữu khác,
Chúng đều bị thân kiến,
Lãnh đạo và chi phối,
*Chúng không vượt thân kiến,
Luân chuyển vòng sanh tử.**

200. *Toàn thế giới bốc cháy,
Toàn thế giới đồng cháy,
Toàn thế giới bùng cháy,
Toàn thế giới rung động.*

201. *Phật thuyết pháp cho ta,
Pháp bất động vô tỷ,
Được bậc không phạm phu,*

*Phục vụ và nhiệt hành,
Chỗ ấy, tâm ý ta,
Hân hoan và ưa thích.*

*202. Ta nghe lời vị ấy,
Sống vui trong giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*203. Mọi chỗ, **hỷ diệt đoạn**,
Khởi si ám tan tàn,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị bại, Ma Vương.*

43 Luân hồi sanh tử tận, Thoát khỏi ma trói buộc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 199

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 199 (Ud 46)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Sàriputta** ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, **lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình**.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta, ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình. Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

11. *Tỷ-kheo tâm an tịnh,
Chặt đứt dây sanh tử,
Luân hồi sanh tử tận,
Thoát khỏi ma trói buộc.*

44 Luân hồi sanh tử tận, Vị ấy không tái sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 198 (Ud 45)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ **Tôn giả Upasena Vangantaputta** trong khi độc cư thiền định, ý nghĩa như sau được khởi lên:

- *"Thật lợi ích thay cho ta, thật khéo lợi ích thay cho ta, bậc Đạo sư của ta, bậc Thế Tôn của ta, là bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác.*
- *Chúng ta được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong Pháp Luật khéo nói.*
- *Các vị đồng Phạm hạnh với ta là những người có giới, theo thiện pháp.*
- *Chúng ta là những người làm đầy đủ trong giới luật.*
- *Chúng ta có thiền định.*
- *Chúng ta có nhất tâm, là bậc A-la-hán, đoạn tận các lậu hoặc, chúng ta có đại thần lực, đại uy lực.*
- *Hiền thiện là mạng sống của ta.*

- *Hiền thiện là sự chết của ta."*

Rồi Thế Tôn với tâm của mình, biết được tâm của Tôn giả Upasena Vangantaputta, ngay trong lúc ấy nói lên **lời cảm hứng**:

*10. Ai sống không nhiệt nã
Khi chết không sầu muộn,
Bậc trí nếu thấy đường,
Giữa sâu, không sầu muộn,
Tỷ-kheo đoạn hữu ái,
Tâm tư được an tịnh,
Luân hồi sanh tử tận,
Vị ấy không tái sanh.*

45 Luân hồi được đoạn tận, Không còn có sinh y - Kinh Dhammika – Tiểu III, 224

Dhammika – Tiểu III, 224 (195)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sinh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, tên là Dhammika. Khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng, ngài khởi lòng tin, và xuất gia.

Sống tại một tinh xá ở làng, ngài cảm thấy bất mãn và khó chịu đối với các công việc các Tỷ-kheo đến tinh xá. Do vậy **các Tỷ-kheo đều bỏ đi** và ngài làm chủ một mình một ngôi tinh xá. Một cư sĩ báo cáo sự việc lên bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư cho gọi ngài lên để giải thích.

Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*302. Pháp che chở hộ trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Pháp đem lại an lạc,
Cho người khéo hành pháp,
Đây là những lợi ích,
Khi pháp khéo hành trì,*

*Người hành trì Chánh pháp,
Không đi xuống ác thú.*

*303. Cả hai pháp, phi pháp,
Kết quả không giống nhau;
Phi pháp, dẫn địa ngục,
Pháp đưa đến cõi lành.*

*304. Do vậy, đối Chánh pháp,
Khởi ý muốn hành trì,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Khéo thiện lai như vậy.
Vững trú trên Chánh pháp,
Đệ tử bậc Thiện Thệ,
Sáng suốt tiến bước lên,
Quy y bậc tối thượng.*

*305. **Phá vỡ cội ung nhọt,**
Nhổ lên lưới ái triền,
Luân hồi được đoạn tận,
Không còn có sanh y,
Như trắng vào ngày rằm,
Trong đêm thanh trong sáng.*

Khi Thê Tôn dạy ba bài kệ trên, Dhammika trên chỗ ngồi **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Để nói lên quả chứng của mình cho bậc Đạo Sư rõ,

ngài nói lên bài kệ cuối cùng để nói lên chánh trí của ngài.

46 Luôn luôn được an tịnh, Thường nắm giữ chánh niệm - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng an sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo (vị thuộc một câu kệ)*.

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên **con đường chánh trí**,
Vị ấy không sâu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

47 Luật tạng - Kinh Upàli – Tiểu III, 203

Upàli – Tiểu III, 203 (180)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong gia đình một người cạo tóc tên là Upàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia, theo gương của Anuruddha và năm vị con cháu hoàng tộc, khi đức Phật ở tại rừng Anupiyà.

Khi ngài nhận một đề tài để thiền quán, ngài yêu cầu đức Phật đừng đưa ngài đi sống ra ngoài khu rừng. Đức Phật dạy: *"Nếu Thầy sống trong rừng, Thầy chỉ phát triển được một vấn đề, nhưng nếu Thầy sống với Ta, Thầy sẽ trở thành thuần thục cả về **kinh học và thiền quán**".* Ngài vâng theo lời bậc Đạo Sư khuyên tu **thiền quán** và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Tuy vậy, bậc Đạo Sư dạy cho ngài cả **Luật tạng**. Về sau, khi Upàli được Thế Tôn khen vì Upàli đã phán quyết trong ba trường hợp về *Ajjuka*, về *Tỷ-kheo Kurukacchaka* và *Kumàra-Kacapa*, ngài được xem là vị hiểu biết Luật tạng.

Trong một ngày trai giới, khi ngài đang đọc giới bốn Pàtimokkha, ngài giáo giới các Tỷ-kheo như sau:

248. Vì lòng tin ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Hãy sống với bạn lành,
Mạng thanh tịnh, không nhác.

249. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Tỷ-kheo trú giữa chúng,
Sáng suốt, học Luật tạng.

250. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Khéo biết việc nên làm,
Và việc không nên làm,
Hãy để vị ấy sống,
Không để cao tôn xưng.

48 Ly tham - Tám ngành, đường thù thắng, Ly tham, pháp thù thắng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Với Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. Lời nói được **thận trọng**,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đốn rừng không đốn cây,
Từ rừng, sinh sợ hãi,
Đốn rừng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lút trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. **Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.**

49 Ly tham mọi cảm thọ - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – *Tiểu III, 266* (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cuong quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác;

**Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.**

412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của *sanh* và của *già*,
Trước *đêm* và sau *đêm*,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.

414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo *Tăng-già-lê*,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,

Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiền xảo con đường,
An ổn các khổ ách;

Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.

Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.

416. Ánh sáng được tạo ra,

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hỡi bà con Tu-đa,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

50 Ly ái, không chấp thủ - Kinh Sarabhangā – Tiểu III, 295

Sarabhangā – Tiểu III, 295 (228)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Rājagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn, ngài có thể được đặt tên, độc lập hay không độc lập với truyền thống gia đình, ngài không có đặc điểm gì để đặt tên.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một **ẩn sĩ**, tự dựng một thảo am, làm bằng cọng cây lau mà tự ngài bẻ gãy, và từ đấy ngài được biết với tên là **Sara-Bhangā**, (người bẻ gãy cọng cây lau).

Thế Tôn với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy được nơi ngài những điều kiện để thành vị A-la-hán. Thế Tôn đi đến thuyết pháp cho ngài. Và ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, sau một thời gian trở thành vị A-la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở thảo am.

Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi ngài sao không dựng thảo am lại, ngài trả lời, khi thảo am được dựng lên, ngài còn ẩn sĩ. Nhưng nay ngài không thể làm được như vậy nữa. Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau:

487. Tay bẻ những cây lau,

Ta làm am ta ở,
Do vậy, được tên tục:
"Người bẻ gãy cây lau".

488. Nay không còn thích hợp,
Tự tay bẻ cây lau,
Theo học giới giảng dạy,
Gotama danh xưng.

489. Chính Sara-bhanga,
Từ trước chưa từng thấy,
Thấy chứng bệnh toàn diện,
Một cách thật đầy đủ.
Bệnh ấy nay được thấy,
Do lời **bực siêu thiên**.

490. **Chính đường ấy đã đi,**
Vipassì, Sikhi,
Kể cả Vessabhu,
Với Kakusandha,
Konàgamana.
Chính với con đường ấy,
Gotama đã đến.

491. **Ly ái, không chấp thủ,**
Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng,

Bởi các vị chứng Pháp.

492. Vì từ mẫn chúng sanh,
Bốn Sự Thật được giảng,
Khổ, khổ tập, con đường,
Diệt, chấm dứt khổ đau.

493. Trong đời sống liên tục,
Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại,
Khi mạng sống cáo chung,
Tái sanh khác không còn,
Ta thật, khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.

51 Làm biếng - Bị đệ tử quả trách - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142

Somamitta – *Tiểu III*, 142 (134)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimāla cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần vị Trưởng lão, làm trọn bốn phận của mình.

Nhưng vì Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: "Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?"

Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài chỉ trích Vimāla với những câu kệ như sau:

147. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.
Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.*

148. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, **phát triển thiền quán**, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chúng đạt được mục đích.

52 **Làm biếng - Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493**

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,*

Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,**

Biếng nhác, thường phần nộ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ ba về bại vong.

Thứ tư, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. ***Ai với mẹ hay cha,***

Già yếu, tuổi trẻ hết,

Tuy giàu không giúp đỡ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ tư về bại vong.

Thứ năm, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. ***Ai nói dối lòng gạt,***

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

*102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,*
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, ái lớn**,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,**
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

53 Làm biếng bị Phật quở trách - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49

Vaddhamàna – Tiểu III, 49 (40)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng.

Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác** và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

*40. Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, **đoạn tham hữu**.*

54 **Làm biếng bị chỉ trích - Kinh Matanga Putta Con Của Mátanga – Tiểu III, 195**

Matanga Putta Con Của Mátanga – *Tiểu III*, 195 (174)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, **con một điền chủ** tên Mátanga, và được gọi là con của Mátanga.

Ngài lớn lên trong biếng nhác, và khi ngài bị quần chúng la rầy, ngài làm quen với các Tỷ-kheo, nhận thấy các Tỷ-kheo sống thật hạnh phúc. Nhưng khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài muốn chứng đạt thần thông. Và thực hành các **thiền quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Từ đây, **ngài chỉ trích biếng nhác, tán thành sự tinh cần** của ngài với những bài kệ như sau:

230. *Ôi quá lạnh, quá nóng!
Ôi, đã quá trễ rồi!
Đây là lời kêu than,
Như vậy bỏ việc làm,
Thời sát-na quý báu,*

Lặng lẽ vượt trôi qua.

231. *Ai nghĩ đến lạnh nóng,
Không hơn loài cỏ rác,
Làm bốn phận con người,
Không hại đến an lạc.*

232. *Cỏ dabba, ku-sa,
Loại cỏ gai đâm ngực,
Ta dùng ngực đẩy chúng,
Sống tăng trưởng viễn ly.*

55 **Làm biếng, bị Phật quở trách - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27**

Dàsaka – Tiểu III, 27 (17)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana.

Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay.

Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn**. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi **ngáy**. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lẫn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài suy nghĩ: "Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều" và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

56 Làm biếng, bị quả trách, rồi thiên quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiên quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

57 **Làm bạn với thiện - Ta không thấy chi phần nào nhiều lợi ích như... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 305 (Ek II. 7) (It. 10)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành ngoại chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là **làm bạn với thiện**.*
- *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm bạn với thiện, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Tỷ-kheo làm bạn thiện,
Tôn kính và kính trọng,
Làm theo những lời nói,
Của bạn bè thân hữu,
Tỉnh giác và chánh niệm,*

*Vị ấy sẽ tuân tữ,
Đạt được sự hoại diệt,
Tất cả mọi kiết sử.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

58 Làm cùng tận khả năng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92

Phẩm Địa Ngục – *Tiểu I*, 92

306. Nói láo đọa địa ngục,
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác **cà sa**,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật **theo vợ người**,
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người.

311. Như cỏ sa vũng nấp,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục.

312. Sống phóng đảng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi,
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm,
Làm cùng tận khả năng,
Xuất gia sống phóng đảng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thùý,
Trong ngoài đều phòng hộ,

Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung,
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng **hổ**, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

317. Không đáng sợ, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

318. Không **lỗi**, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.

59 Làm việc không đáng làm, Việc đáng làm không làm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89

Phẩm Tạp Lục – *Tiểu I*, 89

290. Nhờ từ bỏ **lạc nhỏ**,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng,
Không sao thoát hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,
Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,
Thường thường quán **thân niệm**,
Không làm việc không đáng,
Gắng làm việc đáng làm,
Người **tư niệm giác tỉnh**,

Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha,
Giết hai Vua Sát ly,
Giết vương quốc, quần thần,
Vô ưu, Phạm chí sống.

295. Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà-la-môn,
Giết hỏ tướng thứ năm,
Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Phật Đà thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Chánh Pháp thường niệm.

298. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Tăng Già thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng sắc thân thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.

301. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui tu thiền quán.

302. Vui hạnh xuất gia, khó,
Tại gia sinh hoạt, khó,
Sống bạn không đồng, khổ,
Trôi lăn luân hồi, khổ,
Vậy chớ sống **luân hồi**,
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh,
Đủ danh xưng tài sản,
Chỗ nào người ấy đến,
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa
Sáng tỏ như núi tuyết,
Người ác dầu ở gần,
Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.
Độc hành, không buồn chán,
Tự điều phục một mình,
Sống thoải mái rừng sâu.

60 Làng mạc hay rừng núi Thung lũng hay đồi cao - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49

Phẩm ALaHán – *Tiểu I*, 49

90. Đích đã đến, không sâu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nào.

91. Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.

93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,

Không, vô tướng, giải thoát.

Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.

94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trù, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.

95. Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.

97. Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.

98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,

Đất ấy thật khả ái.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phàm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.

61 Lành thay điều được nghe, Lành thay hạnh phúc sống - Kinh Kumaputta Con Của Kunmà – Tiểu III, 46

Kumaputta Con Của Kunmà – *Tiểu III*, 46 (36)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở xứ Anvanti thành Velukanda, và được đặt tên là **Nanda**. Nhưng vì mẹ tên Kumà nên ngài được gọi là **con của Kumà**.

Khi nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia và tu tập trên sườn đồi. Nhưng chỉ sau khi nghe đức Phật thuyết pháp và sửa lại phương pháp tu tập, ngài mới chứng quả A-la-hán.

Khi đã trở thành A-la-hán, ngài thấy các Tỷ-kheo khác quá lo cho thân thể, nên ngài dùng bài kệ để hướng dẫn họ theo Chánh pháp:

36. *Lành thay, điều được nghe!*
Lành thay, hạnh phúc sống!
Lành thay, thường an trú!
Đời sống kẻ không nhà.
Tìm hỏi nghĩa Chánh pháp,
Làm các hạnh cung kính,
Đấy là hạnh Sa-môn,

Của bậc Vô sở hữu.

62 Lành thay, phòng hộ mắt, Lành thay, phòng hộ tai - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng tất cả,
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,**

Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử khéo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ khéo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ khéo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sâu nã,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bi**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chúng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. **Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tụ tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiển tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

63 Lành thay, phòng hộ thân, Lành thay, phòng hộ lời - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng tất cả,
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,**

Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử khéo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ khéo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ khéo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sâu nã,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bi**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chúng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. **Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tự tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiển tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

64 Lành thay, thấy Thánh nhân, Sống chung thường hưởng lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?
Ác nào bằng sân hận?
Khổ nào sánh khổ uẩn?
Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiếu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,
Bạc nghe nhiều, trì giới,
Bạc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

65 Lành thay, điều phục tâm_ Tâm điều, an lạc đến - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vầy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,

Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trời buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vát bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "**Kẻ thù hại kẻ thù,**
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân."

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

66 **Lâu đài - Được nuôi dưỡng trong ba lâu đài - Kinh Bhùta – Tiểu III, 307**

Bhùta – Tiểu III, 307 (232)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại ngoại thành Sàketa, con một hội viên giàu có trong Hội đồng thành phố, ngài là con út và người **con độc nhất được sống sót, các người con khác bị một con Dạ-xoa thù** nghịch ăn thịt. Ngài được canh gác cẩn mật, và con Dạ-xoa bện lên hầu Vessavana nên không về nữa. Khi đến tuổi đặt tên, ngài được đặt tên là *Bhùta*, vì do nguyện cầu được sanh ngài: **"Mong rằng các hàng phi nhân có lòng từ hộ trì cho đứa trẻ"**.

Nhờ công đức của mình, ngài lớn lên **không** bị tai nạn gì, được nuôi dưỡng trong ba lâu đài như Yasa.

Khi bậc Đạo Sư đến Sàketa, ngài cùng với các cư sĩ khác đến tịnh xá nghe thuyết pháp. Sau khi xuất gia, ngài sống trong một hang động, trên bờ sông Ajakarani. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó ngài về thăm các bà con vì lòng từ mẫn và ở trong rừng Anjana. Khi các bà con yêu cầu ngài ở lại, vì lợi ích chung cho các bà con và cho ngài, ngài nói ngài ưa thích đời sống xuất gia và nói lên những bài kệ như sau, trước khi từ biệt các bà con:

518. Khi bậc trí thấy được,
Già chết là đau khổ,
Tại đây, kẻ phàm phu,
Không thấy, chấp thủ khổ.
Sau khi liễu tri khổ,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

519. Khi đoạn tận được ái,
Ái đem khổ, độc hại,
Tạo hý luận trối buộc,
Đẩy mạnh đến đau khổ,
Sau khi đoạn tận ái,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

520. Khi với **tuệ**, thấy được,
Con đường lành vô thượng,
Gồm hai lần bốn phần,
Tĩnh trừ mọi phiền não,
Sau khi thấy với tuệ;
Chánh niệm tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

521. Khi tu tập *con đường*,
Không sâu, không cầu uế,
Vô vi, an tịnh đạo,
Tịnh trừ mọi phiền não,
Chặt trói buộc kiết sử,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

522. Khi trên trời vang rền,
Tiếng trống, mây giông tố,
Khắp *con đường* chim bay,
Dòng mưa dày đặc đổ,
Tỷ-kheo đi đến hang,
Tu tập, ngôi thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

523. Khi trên những bờ sông,
Những vòng hoa rừng núi,
Nở lên và chói sáng,
Với nhiều màu nhiều sắc,
Với tâm tư thoải mái,
Ngôi thiền trên bờ sông,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

524. Khi nửa đêm, rừng vắng,
Trời đổ trận mưa rào,
Loài có ngà, có nanh,
Đang sống đang gặm thét,
Tỷ-kheo đến triền núi,
Ngồi yên lặng tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

525. Khi **tâm tứ** chế ngự,
Giữa núi, trong hang động,
Thoải mái tự ngồi thiền,
Không sợ, không chướng ngại,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

526. Khi ngồi được **hỷ lạc**,
Không uế chướng, không sầu,
Không tù túng, thoát ái,
Không bị mũi tên đâm,
Mọi lậu hoặc chấm dứt,
Vị ấy ngồi tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

67 **Lâu đài bị chìm được làm nổi lên - Kinh Bhaddaji – Tiểu III, 153**

Bhaddaji – Tiểu III, 153 (142)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Bhaddiya (tại Avantì phía Đông Magadha), con một nghị sĩ giàu có đến tám trăm triệu, ngài được đặt tên là *Bhaddiya* và được nuôi lớn trong sự nuông chiều sang trọng, giống như vị Bồ-tát trong đời sống cuối cùng của ngài.

Tập sớ kể câu chuyện của ngài chứng quả A-la-hán khi nghe đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, chính đức Phật đích thân đến tìm ngài. Ngài đi theo bậc Đạo Sư với hàng tùy tùng, sau một tuần đến tại Kotigàma, và đi lánh đến bờ sông Hằng, ngài nhập thiền định. Ngài chỉ xuất định, khi đức Phật đến gần và không vâng lời các vị Trưởng lão đi trước.

Để xác minh quả chứng vô thương của ngài, đức Phật mời ngài lên chiếc phà của Ngài và yêu cầu ngài hiện thần thông. *Bhaddiya làm nổi lên cung điện bị chìm, khi ngài trú tại đây, trong thời ngài là vua Panàda.* Câu chuyện này được kể trong *chuyện Jātaka Mahāpanāda*. Ngài diễn tả lâu đài bằng vàng, trong ấy ngài đã sống trong một thời gian.

Rồi ngài nói về ngài khi *tự ngã được đoạn diệt*, như là thuộc một người khác:

*163. Pa-nà-đa là tên,
Của vị hoàng đế ấy,
Với trụ lễ bằng vàng,
Ngang có mười sáu nhà,
Tính về lượng bề cao,
Cao hơn một ngàn lần.*

*164. Có đến ngàn tam cấp,
Với trăm nóc hình tròn,
Trang hoàng với cờ xí,
Với ngọc báu chói sáng,
Ở đấy, Càn-thát-bà,
Các tiên nữ hát múa,
Con số lên sáu ngàn,
Với tổng số bảy đoàn.*

68 Lãnh vực của Ma - Kinh Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha - Tiểu I, 805

Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha – *Tiểu I, 805*

Bhadràvudha:

1101. *Bha-đra-vu-đa nói:*

Con có lời yêu cầu,

Bậc Thiện Tuệ nói lên,

Bậc bỏ nhà, đoạn ái,

Bất động, bỏ hỷ ái,

Giải thoát, vượt bậc lưu,

Thời gian, không chi phối,

Nghe xong, bậc Long tượng,

Từ đây, họ ra đi.

1102. *Quần chúng sai biệt ấy,*

Từ quốc độ tụ họp,

Họ ao ước khát vọng,

Được nghe lời của Ngài,

Ôi anh hùng chiến thắng,

Ngài hãy khéo trả lời,

Pháp Ngài dạy thế này,

Như vậy họ hiểu biết.

Thế Tôn:

1103. Thế Tôn nói như sau:

Này Bha-đra-vu-đa!

Hãy nhiếp phục tất cả,

Mọi tham ái, chấp thủ,

Trên, dưới, cả bề ngang,

Và kể luôn chặng giữa,

Những ai có chấp thủ,

Sự gì ở trong đời,

Chính do sự việc ấy,

Ác ma theo người ấy.

1104. **Do vậy, bậc hiểu biết,**

Không có chấp thủ gì,

Tỷ-kheo **giữ chánh niệm,**

Trong tất cả thế giới,

Phàm có sở hữu gì,

Vị ấy không mong ước.

Nhìn xem quần chúng này,

Là chúng sanh chấp thủ,

Trong lãnh vực của Ma,

Bị tham dính chấp trước.

69 **Lìa rừng lại hướng rừng, Thoát rừng chạy theo rừng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97**

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhổ tận gốc ái,
Như nhổ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,

Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái dục chảy khắp,
Như giây leo mọc tràn,
Thấy giây leo vừa sanh,
Vói tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưu thích các hỷ lạc,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vầy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trối buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thả bị sa lưới,
Do vậy vì Tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Lìa rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,

Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** là, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,

Thấu suốt **từ vô ngại**,
Hiểu thứ lớp trước sau,
Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,

Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

70 Lòng bàn tay - Kinh Nàgita – Tiểu III, 95

Nàgita – *Tiểu III*, 95 (86)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, tên là Nàgita.

Khi bậc Đạo Sư đến tại chỗ của ngài, Thế Tôn thuyết **kinh Mật Hoàn**, ngài khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi hân hoan với sự thật trong lời dạy của đức Phật, và sự chỉ đạo có hiệu quả của Chánh pháp, ngài nói lên bài kệ này:

*86. Ngoài đây có ngoại đạo,
Họ dạy những con đường,
Không như con đường này,
Đưa đến quả Niết-bàn,
Thật khác, đức Thế Tôn,
Giáo giới hàng Tăng chúng,
Đạo Sư chỉ Niết-bàn,
Như thấy trên bàn tay.*

71 Lòng tham không đáy - Dầu mưa bằng tiền vàng, Các dục khó thỏa mãn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,

Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ nào tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,

Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

72 Lòng tham vô đáy của con người - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.** Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với son, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,*

*Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,
Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,*

Từ bỏ mọi tài sản,
Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.

781. *Kẻ thừa tự mang đi,*
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
*Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,*
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;*
Phú quý nào có thể,
*Tránh khỏi được **già suy**.*
Bậc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,*
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,
Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,

Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. **Như kẻ trộm bị bắt**,
Quả tang, khi ăn trộm,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,
Chúng làm **tâm đắm say**,
Với sắc và phi sắc,

*Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,*

788. *Như trái cây rụng xuống,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.*

789. *Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.*

790. *Thấy đục như lửa hừng,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.*

791. *Thấy nguy hiểm như vậy,
Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,*

*Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại lậu hoặc.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

73 Lòng tin là tài sản tối thắng cho con người - Kinh Alavaka - Tiểu I, 520

Kinh Alavaka – Tiểu I, 520 (Sn 31)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Alavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavaka. Rồi Dạ-xoa Alavaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra:

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- **Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho Ông. Ông cần gì hãy làm?**

- Nay Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay ta sẽ bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ sông bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bên kia bờ sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

Alavaka:

181. Ở đời, **tài sản** gì,
Tối thắng cho con người?
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì trong **các vị,**
Là vị ngọt tối thượng?
Nếp sống như thế nào,
Gọi nếp sống tối thắng?

Thế Tôn:

182. Ở đời này, **lòng tin,**
Tối thắng cho con người,
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Chánh pháp khéo thực hiện,
Đem lại chơn an lạc,
Sự thật trong các vị,
Là vị ngọt tối thượng,
Nếp sống với **trí tuệ,**
Là nếp sống tối thắng.

Alavaka:

183. **Thế nào vượt bậc lưu?**
Thế nào vượt biển lớn?

Thế nào vượt qua khổ?
Thế nào thật thanh tịnh?

Thế Tôn:

184. Với **tín**, vượt bậc lưu,
Không phóng dật, vượt biển,
Tinh **tấn**, vượt đau khổ,
Với **tuệ**, được thanh tịnh.

Alavaka:

185. *Thế nào được trí tuệ?*
Thế nào được tài sản?
Thế nào đạt danh xưng?
Thế nào cột bạn hữu?
Đời này qua đời sau,
Thế nào, chết không sầu?

Thế Tôn:

186. Tin tưởng bậc La-hán,
Tin pháp, đạt Niết-bàn,
Khéo nghe, được trí tuệ,
Bậc trí, không phóng dật.

187. **Làm thích đáng trách nhiệm,**

Phần đầu được tài sản,
Với **sự thật** được danh,
Bố thí cột bạn bè.

188. Ai là người gia chủ,
Tin tưởng bốn pháp này,
Sự thật và **Chánh pháp**,
Kiên trì và **bố thí**,
Vị ấy sau khi chết,
Nhất định không sầu muộn.

189. Hãy hỏi các vị khác,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nếu có pháp nào khác,
Ở đời, lại thắng hơn,
Sự thật và **niếp phục**,
Bố thí và **kham nhẫn**?

Alavaka:

190. Sao nay con rộng hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nay con được rõ biết,
Hiện, vị lai hạnh phúc.

191. Vì hạnh phúc cho con,
Mong rằng bậc Giác Ngộ,

*Hãy đi đến an trú,
Tại xứ Alavi.
Nay con đã rõ biết.
Chỗ nào thí, quả lớn.*

192. Con sẽ đi bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Giác Ngộ,
Đảnh lễ thiên pháp tánh
Của Chánh pháp vi diệu.

74 Lỗi cây - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 250

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 250 (Ud 72)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàathapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, trong đêm tối mù mịt, với những cây đèn dầu đang chói sáng. Lúc bấy giờ, nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào trong những đèn dầu ấy và gặp phải tai nạn, gặp phải hoại diệt, gặp phải tai nạn hoại diệt.

Thế Tôn thấy nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào... gặp phải tai nạn và hoại diệt. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên *lời cảm hứng*:

9. *Họ chạy gấp vượt qua,
Nhưng bỏ mất lỗi cây,
Họ làm cho tăng trưởng,
Các trời buộc mới mẻ,
Như các loại côn trùng,
Rơi vào trong ánh sáng,
Có người sống dựa vào
Điều được thấy được nghe.*

75 Lỗi cây giải thoát - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 347

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 347 (Duk.
II, 9) (It. 40).

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, ***hãy an trú cho lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho lỗi cây giải thoát, cho niệm được tăng thượng.***

Này các Tỷ-kheo, an trú cho lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho lỗi cây giải thoát, cho niệm được tăng thượng, thời được chờ đợi là ***một trong hai quả này: được chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu có dư ý, chứng được Bất-lai.***

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Bậc hữu học viên mãn,
Không còn bị thối đọa,
Đạt tối thượng trí tuệ,
Thấy sanh được diệt tận.
Ta nói chắc chắn rằng,
Ấn sĩ Mâu-ni ấy,
Mang sắc thân cuối cùng.*

*Đã từ bỏ kiêu mạn,
Đã vượt qua bờ kia,
Thoát khỏi sự già yếu.*

***Do vậy hãy luôn luôn,
Vui trong thiền, thiền định,
Nhiệt tâm và nỗ lực,
Thấy sanh được diệt tận,
Hồi này các Tỷ-kheo,
Hãy nhiếp phục ma quân,
Tu tập vượt qua được,
Thoát khỏi sự già chết.***

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

76 Lùn - Người lùn - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286

Lakuntaka Bhaddiya – *Tiểu III*, 286 (225)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là Bhaddiya, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là Lakuntaka Bhaddhiya (Bhaddiya người lùn).

Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt.

Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đề tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, **phát triển thiền quán** và trở thành một vị Bất Lai.

Về sau nhờ Tôn giả Sàriputta dạy tu **thân hành niệm**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*466. Ra ngoài các khu vườn,
Tên Ambàtaka,
Trong rừng với lùm cây,*

*Ái, ái căn từ bỏ,
Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.*

*467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.*

*468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì **thân hành niệm**,
Thường hằng ở mọi giới.*

*469. **Cười chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,
Chúng không biết được ta,
Vì **dục** tham chi phối.***

*470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chận bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lời cuốn.*

*471. Không biết được phần trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,*

Cũng bị tiếng lời cuốn.

*472. Quán trí được phân trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Thấy không bị chướng ngại,
Không bị tiếng lời cuốn.*

77 **Lúc trẻ, không phạm hạnh, Không tìm kiếm bạc tiền - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61**

Phẩm Già – *Tiểu I*, 61

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu,
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không **tìm ngọn đèn**?

147. **Hãy xem bong bóng đẹp,**
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.

148. **Sắc này bị suy già,**
Ồ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chãm dứt mạng sống.

149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vát bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bồ câu,
Thấy chúng còn vui gì?

150. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.

151. Xe vua đẹp cũng già.
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng **tuệ** không tăng trưởng.

153. Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. **Ôi! Người làm nhà** kia
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,

Tham ái thấy tiêu vong.

155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rữ, không tôm cá.

156. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.

78 Lãng xăng - Việc làm lãng xăng này, Có nghĩa gì cho ông - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124

Vajji Putta – Tiểu III, 124 (119)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua Licchaivì ở Vesàli, và được gọi là con của Vajji, vì phụ thân thuộc về dòng họ này.

Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng **sáu thắng trí**.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Một hôm ngài thấy Tôn giả Ananda đang thuyết pháp cho một số đông người, **để khích lệ Tôn giả Ananda chứng quả cao hơn**, ngài nói lên bài kệ này:

119. Hãy đi đến khu rừng,
Rậm rạp những rễ cây,
Hãy để cho Niết-bàn,

*Chìm sâu vào tâm người,
Hỡi này Go-ta-ma!
Hãy tu tập thiền định,
Việc làm lãng xãng này,
Có nghĩa gì cho ông.*

79 Lương y - Bậc Y vương Vô thượng - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – Tiểu III, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám** tánh thuần thực của Sela và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào

đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,

Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giáng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sự rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhân,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,*

*Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

80 Lương y - Có vị lương y nào, Rút mũi tên cho ta - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

*Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.*

*748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

*749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.*

*750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

*751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,*

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình **phẫn nộ**,
Khiến tâm tư **cứng rắn**,
Bị xâu xé **cắt đứt**,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các** tùy kiến **không** đoạn,
Các tư niệm **dao động**,
Bị chúng **đâm**, **ta** **run**,
Như **lá** **bị** **gió** **thổi**.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với **sáu** **xúc xứ**,
Ngã hữu từ **đấy** **sanh**.

756. Ta không thấy **lượng** y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng **dao** **thăm** dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy **man trá, tật đổ,**
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
*Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **bình khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

81 Lười biếng - Ai sống một trăm năm, Lười nhác không tinh tấn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51

Phẩm Ngàn – *Tiểu I*, 51

100. Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc.

101. Dầu nói ngàn câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc.

102. Dầu nói trăm câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc.

103. Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.

104. Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.

105. Dầu Thiên Thân, Thát Bà,
Dầu Ma vương, Phạm Thiên
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.

106. Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

107. Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

108. Suốt năm cúng tế vật,
Để cầu phước ở đời.
Không bằng một phần tư

Kính lễ bậc chánh trực.

109. Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.

110. Dầu sống một trăm năm
Ác **giới**, không thiên **định**,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì giới, tu thiên **định**.

111. Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiên **định**.
Tốt hơn sống một ngày,
Có **tuệ**, tu thiên **định**.

112. Ai sống một trăm năm,
Lười nhác, không tinh **tấn**,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.

113. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp sinh diệt**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt.

114. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **câu bất tử**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.

115. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp tối thượng**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.

82 Lười biếng - Cũng vậy đến kẻ nhác, Người hạnh tốt cũng chìm - Kinh Vimala – Tiểu III, 209

Vimala – Tiểu III, 209 (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,*

Kẻ làm biếng, làm nhác.

266. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tình cần,
Thiên định, thường tình tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

83 Lười biếng - Người ưa ngủ, ăn lớn, Nằm lẫn lóc qua lại - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo **ái, dục, lạc**,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo **phòng hộ tâm ý**,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

84 Lười biếng - Trọn đêm Thầy nằm ngủ, Ban ngày thích tụ hội - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III, 94 (84)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

85 Lười biếng bị chỉ trích - Kinh Matanga Putta Con Của Mátanga – Tiểu III, 195

Matanga Putta Con Của Mátanga – *Tiểu III*, 195
(174)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, **con một điền chủ** tên Mátanga, và được gọi là con của Mátanga.

Ngài lớn lên trong biếng nhác, và khi ngài bị quần chúng la rầy, ngài làm quen với các Tỷ-kheo, nhận thấy các Tỷ-kheo sống thật hạnh phúc. Nhưng khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài muốn chứng đạt thần thông. Và thực hành các **thiền quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Từ đây, **ngài chỉ trích biếng nhác, tán thành sự tinh cần** của ngài với những bài kệ như sau:

230. *Ôi quá lạnh, quá nóng!
Ôi, đã quá trễ rồi!
Đây là lời kêu than,
Như vậy bỏ việc làm,
Thời sát-na quý báu,*

Lặng lẽ vượt trôi qua.

231. *Ai nghĩ đến lạnh nóng,
Không hơn loài cỏ rác,
Làm bốn phận con người,
Không hại đến an lạc.*

232. *Cỏ dabba, ku-sa,
Loại cỏ gai đâm ngực,
Ta dùng ngực đẩy chúng,
Sống tăng trưởng viễn ly.*

86 Lạc - Dục lạc gì ở đời, Kể cả thiên lạc này - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 132

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 132* (Ud 10)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-kheo, sau bữa ăn, đi khát thực trở về, ngồi họp tại hội trường, và câu chuyện này được khởi lên:

"Này chư Hiền, giữa hai vị vua này, vua Seniya Bimlisàra ở Magdha, và vua Pasenadi ở xứ Kosala, ai giàu có hơn, ai tài sản lớn hơn, ai kho tàng lớn hơn, ai quốc độ lớn hơn, ai xe cộ lớn hơn, ai sức mạnh lớn hơn, ai thần lực lớn hơn, ai uy lực lớn hơn?". Rồi câu chuyện này giữa các Tỳ-kheo ấy chưa được chấm dứt.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy, đi đến hội trường, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, ở đây, nay các Thầy ngồi hội họp với câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa chừng chưa chấm dứt giữa các Thầy?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau bữa ăn, đi khát thực trở về... câu chuyện này được khơi lên... ai uy lực lớn hơn "Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, chưa được chấm dứt thời Thế Tôn đã đến.

- *Này các Tỷ-kheo, thật không thích đáng cho các Thầy, những thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại nói câu chuyện như vậy. Này các Tỷ-kheo, khi các Thầy hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: **Đàm luận về Chánh pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.***

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng* này:

*2. Dục lạc gì ở đời,
Kể cả thiên lạc này,
Không bằng phần mười sáu,
Lạc do ái đoạn diệt.*

87 Lạc - Không tìm thấy lạc nào, Ưu việt hơn lạc này - Kinh Bhùta – Tiểu III, 307

Bhùta – Tiểu III, 307 (232)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại ngoại thành Sàketa, con một hội viên giàu có trong Hội đồng thành phố, ngài là con út và người con độc nhất được sống sót, các người con khác bị một con Dạ-xoa thù nghịch ăn thịt. Ngài được canh gác cẩn mật, và con Dạ-xoa bện lên hầu Vessavana nên không về nữa. Khi đến tuổi đặt tên, ngài được đặt tên là *Bhùta*, vì do nguyện cầu được sanh ngài: "Mong rằng các hàng phi nhân có lòng từ hộ trì cho đứa trẻ".

Nhờ công đức của mình, ngài lớn lên không bị tai nạn gì, được nuôi dưỡng trong ba lâu đài như Yasa.

Khi bậc Đạo Sư đến Sàketa, ngài cùng với các cư sĩ khác đến tịnh xá nghe thuyết pháp. Sau khi xuất gia, ngài sống trong một hang động, trên bờ sông Ajakarani. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó ngài về thăm các bà con vì lòng từ mẫn và ở trong rừng Anjana. Khi các bà con yêu cầu ngài ở lại, vì lợi ích chung cho các bà con và cho ngài, ngài nói

ngài ưa thích đời sống xuất gia và nói lên những bài kệ như sau, trước khi từ biệt các bà con:

518. *Khi bậc trí thấy được,
Già chết là đau khổ,
Tại đây, kẻ phàm phu,
Không thấy, chấp thủ khổ.
Sau khi liễu tri khổ,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.*

519. *Khi đoạn tận được ái,
Ái đem khổ, độc hại,
Tạo hý luận trói buộc,
Đẩy mạnh đến đau khổ,
Sau khi đoạn tận ái,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.*

520. *Khi với tuệ, thấy được,
Con đường lành vô thượng,
Gồm hai lần bốn phần,
Tịnh trừ mọi phiền não,
Sau khi thấy với tuệ;
Chánh niệm tu thiền định,*

*Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.*

*521. Khi tu tập **con đường**,
Không sâu, không cầu uế,
Vô vi, an tịnh đạo,
Tịnh trừ mọi phiền não,
Chặt trói buộc kiết sử,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.*

*522. Khi trên trời vang rền,
Tiếng trống, mây giông tố,
Khắp con đường chim bay,
Dòng mưa dày đặc đổ,
Tỷ-kheo đi đến hang,
Tu tập, ngồi thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.*

*523. Khi trên những bờ sông,
Những vòng hoa rừng núi,
Nở lên và chói sáng,
Vội nhiều màu nhiều sắc,
Vội tâm tư thoải mái,
Ngồi thiền trên bờ sông,*

*Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.*

524. Khi nửa đêm, rừng vắng,
Trời đổ trận mưa rào,
Loài có gà, có nanh,
Đang sống đang gặm thét,
Tỷ-kheo đến triền núi,
Ngôi yên lặng tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

525. Khi **tâm tứ chế ngự**,
Giữa núi, trong hang động,
Thoải mái tự ngồi thiền,
Không sợ, không chướng ngại,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

526. Khi ngôi được **hỷ lạc**,
Không uế chướng, không sầu,
Không tù túng, thoát ái,
Không bị mũi tên đâm,
Mọi lậu hoặc chấm dứt,
Vị ấy ngôi tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

88 Lạc - Khổ nào sánh khổ uẩn, Lạc nào bằng tịnh lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?
Ác nào bằng sân hận?
Khổ nào sánh khổ uẩn?
Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiếu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,
Bạc nghe nhiều, trì giới,
Bạc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

89 Lạc - Nhờ từ bỏ lạc nhỏ, Thấy được lạc lớn hơn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89

Phẩm Tạp Lục – *Tiểu I*, 89

290. Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng,
Không sao thoát hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,
Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,
Thường thường quán thân niệm,
Không làm việc không đáng,
Gắng làm việc đáng làm,
Người tư niệm giác tỉnh,
Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha,
Giết hai Vua Sát ly,
Giết vương quốc, quần thần,
Vô ưu, Phạm chí sống.

295. Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà-la-môn,
Giết hổ tướng thứ năm,
Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Phật Đà thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Chánh Pháp thường niệm.

298. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Tăng Già thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,

Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng sắc thân thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.

301. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui tu thiền quán.

302. Vui hạnh xuất gia, khó,
Tại gia sinh hoạt, khó,
Sống bạn không đồng, khổ,
Trôi lăn luân hồi, khổ,
Vậy chớ sống **luân hồi**,
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh,
Ủ danh xưng tài sản,
Chỗ nào người ấy đến,
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa

Sáng tỏ như núi tuyết,
Người ác dầu ở gần,
Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.
Độc hành, không buồn chán,
Tự điều phục một mình,
Sống thoải mái rừng sâu.

90 Lạc - Trước tâm này buông lung, Chạy theo ái, dục, lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo **ái, dục, lạc**,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo **phòng hộ tâm ý**,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

91 Lạc bất lạc - Đội quân của ác ma - Kinh Tinh Cần - Tiểu I, 600

Kinh Tinh Cần – *Tiểu I, 600* (Sn 74)

Thế Tôn:

425. Bên sông Ni-liên-thuyền,
Ta tỉnh cần tỉnh tấn,
Cố gắng, Ta thiền định,
Đạt an ổn khổ ách.

426. Ác ma đến gần Ta,
Nói lên lời từ mẫn,
Ông ốm không dung sắc,
Ông đã gần chết rồi.

427. Cả ngàn phần, Ông chết,
Chỉ một phần còn sống,
Hãy sống, sống tốt hơn,
Sẽ làm các công đức.

428. Như Ông sống Phạm hạnh,
Hãy đốt lửa tế tự,
Hãy chất chứa công đức,
Ông tỉnh tấn làm gì?

429. *Khó thay, đường tình tẩn,
Khó làm, khó đạt được.
Ác ma đứng gần Phật,
Nói lên những kệ này.*

430. Thế Tôn đã đáp lại,
Lời Ác ma như sau:

*Bà con ác phóng dật,
Ngươi đến đây làm gì?*

*431. Với công đức nhỏ bé,
Ta đâu có cần đến?
Với ai cần công đức,
Ác ma đáng nói chúng.*

432. Đây có **tín**, tình **tẩn**,
Và Ta có trí **tuệ**,
Như vậy, Ta tình tẩn,
Sao Ngươi hỏi Ta sống?

433. Gió này làm khô cạn,
Cho đến các dòng sông,
Làm sao khô cạn máu,
Khi Ta sống tình tẩn?

434. **Dầu máu có khô cạn,**

Mật, đàm Ta khô cạn,
Dầu thịt có hủy hoại,
Tâm Ta càng tịnh tín,
Ta lại càng vững trú,
Niệm, tuệ và thiền **định**.

435. Do Ta sống như vậy,
Đạt được thọ tối thượng,
Tâm không cầu các dục,
Nhìn chúng sanh thanh tịnh.

436. **Dục**, **đội quân thứ nhất**.
Thứ hai, gọi **bất lạc**,
Thứ ba, **đói** và **khát**,
Thứ tư, gọi **tham ái**.

437. Năm, **hôn trầm** thụy miên,
Thứ sáu, gọi **sợ hãi**,
Thứ bảy, gọi **nghi ngờ**,
Tám, **dèm pha ngoan cố**.

438. **Lợi, danh** và **cung kính**,
Danh vọng được tà vạy,
Ai **tự đề cao mình**,
Hủy báng các người khác.

439. Ôi, này Na-mu-ci,

Đây là quân đội Ngươi,

Đây quân đội chiến trận,
Của dòng họ Kanhà,
Kẻ nhất, không thắng Ngươi,
Ai thắng Ngươi, được lạc.

440. Ta mang cỏ munja,
Vững thay, đây đời sống,
Thà Ta chết chiến trận,
Tốt hơn, sống thất bại.

441. Bị thấy đắm ở đây,
Số Sa-môn, Phạm chí,
Không biết được con đường,
Bậc giới đức thường đi.

442. Thấy khắp quân đội dàn,
Ác ma trên lưng voi,
Ta bước vào chiến trận,
Không để ai chiếm đoạt.

443. Đội ngũ quân nhà Ngươi,
Đời này và chư Thiên,
Không một ai thắng nổi,
*Ta đến Ngươi với tuệ,
Như hòn đá đập nát,
Chiếc bát chưa nung chín.*

444. **Nhiếp phục được tâm tư,
Khéo an trú chánh niệm,**

Ta sẽ đi bộ hành,
Nước này qua nước khác,
Để huấn luyện rộng rãi,
Cho những người đệ tử.

445. Không phóng dật, tinh cần,
Họ hành lời Ta dạy,
Dầu Ngươi không muốn vậy,
Họ vẫn sẽ đi tới,
Chỗ nào họ đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

Ác-ma:

446. **Bảy năm**, ta bước theo,
Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm,
Nơi Thế Tôn chánh niệm.

447. **Như quạ bay xung quanh,**
Hòn đá như đóng mở,
Có thể có gì mềm?
Có thể có gì ngọt?

448. *Không tìm được gì ngọt,
Quạ từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,
Ta bỏ Gotama.*

449. *Bị sâu muộn chi phối,
Cây đàn rơi khỏi nách,
Kẻ Dạ-xoa ác ý,
Tại đây liền biến mất.*

92 **Lạnh nóng quá, làm biếng - Kinh Matanga Putta Con Của Mátanga – Tiểu III, 195**

Matanga Putta Con Của Mátanga – *Tiểu III*, 195
(174)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, **con một điền chủ** tên Mátanga, và được gọi là con của Mátanga.

Ngài lớn lên trong biếng nhác, và khi ngài bị quần chúng la rầy, ngài làm quen với các Tỷ-kheo, nhận thấy các Tỷ-kheo sống thật hạnh phúc. Nhưng khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài muốn chứng đạt thần thông. Và thực hành các **thiền quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Từ đây, **ngài chỉ trích biếng nhác, tán thành sự tinh cần** của ngài với những bài kệ như sau:

*230. Ôi quá lạnh, quá nóng!
Ôi, đã quá trễ rồi!
Đây là lời kêu than,
Như vậy bỏ việc làm,
Thời sát-na quý báu,*

Lặng lẽ vượt trôi qua.

231. *Ai nghĩ đến lạnh nóng,
Không hơn loài cỏ rác,
Làm bốn phận con người,
Không hại đến an lạc.*

232. *Cỏ dabba, ku-sa,
Loại cỏ gai đâm ngực,
Ta dùng ngực đẩy chúng,
Sống tăng trưởng viễn ly.*

93 Lấy không giận thắng giận, Lấy thiện thắng không thiện - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75

Phẩm Phần Nộ – *Tiểu I*, 75

221. Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước **danh sắc**.
Khô không theo vô sản.

222. Ai chặn được phần nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy **không giận** thắng giận,
Lấy **thiện** thắng không thiện,
Lấy **thí** thắng xan tham,
Lấy **chơn** thắng hư nguy.

224. Nói thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bậc hiền không hại ai,
Thân thường được chế ngự,
Đạt được **cảnh bất tử**,
Đến đây, không ưu sầu.

226. Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. **Xưa, vị lai, và nay,**
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Sáng sáng, thâm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ **giới định tuệ**.

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Giữ **thân** đừng phần nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.

232. Giữ **lời** đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. Giữ **ý** đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. **Bậc trí bảo vệ thân,
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.**

94 Lấy ví dụ con bò bị ngã để sách tấn mình - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56

Ramaniya Vihàrim – *Tiểu III*, 56 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống **tuổi trẻ trác táng**.

Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dân, **ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia**.

Là Tỷ-kheo, ngài **vẫn còn những ái dục về thân**, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavihàrim (người sống trong lạc dục).

Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy **không** xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành **lang thang đó đây**.

Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một **con bò** vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cỡi dây cho con bò, cho nó

rom và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: "**Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tỉnh táo, sau khi rơi vào rình nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành**".

Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

45. *Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.*

95 Lấy ví dụ con nai mẹ để tinh tấn tu tập - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "*Thật vậy, thế giới này bị ái triển trối buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!*". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mẫn,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

96 Lấy ví dụ cây lau để tinh tấn tu tập - Kinh Usabha – Tiểu III, 116

Usabha – Tiểu III, 116 (110)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, ngài khởi lên lòng tin khi bậc Đạo Sư nhận lãnh tinh xá Jetavana (Kỳ Viên).

Sau khi hành trì hạnh Sa-di, ngài sống trong rừng dưới chân núi. Vào mùa mưa, các mây xả mưa xuống cây cỏ trong rừng, các bụi cây nhóm cây đều đầy những hoa lá. Rồi ngài từ hang đi ra, thấy cây cối xanh tươi đẹp nên **nghĩ rằng:** "*Các cây và các **cây lau** này không có ý thức, tuy vậy với mùa mưa tiếp sức, chúng được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tánh tốt đẹp khi ta đã đạt thời tiết thuận tiện?*"

Rồi ngài nói lên bài kệ, tuyên bố chánh trí của ngài, và với **tinh tấn nghị lực**, ngài chứng quả A-la-hán.

*110. Những cây được vươn cao,
Nhờ mây cao tưới mát,
Với mưa mới thấm nhuần,
Được xanh tươi lớn mạnh,
Đối với U-xa-bha,*

*Ưa thích sống viễn ly,
Ý thức được rừng núi,
Vị ấy khiến sanh khởi,
Rất nhiều điều tốt đẹp.*

97 Lấy vợ người - Ba lần bị chồng bỏ - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703

Isidàsi – *Tiểu III*, 703 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Ujjeni, con gái một thương gia có giới đức, được kính trọng, và giàu có và đặt tên là Isidàsi.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha nàng gả nàng cho con trai một người thương gia, xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, nàng sống với chồng như một người vợ trung thành. Nhưng vì **nghiệp** đời trước của nàng, **chồng nàng trở thành lạnh nhạt** đối với nàng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Mọi sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pàli. Vì nàng tự tỏ không xứng đáng đối với người chồng này và chồng khác, nàng trở thành dao động, và được cha cho phép, nàng xuất gia với sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni Jinadattà.

Sau khi **tu học thiền quán**, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về pháp và về nghĩa.

Sống trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm sau khi đi khát thực và ăn xong, trong thành Patna, nàng ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhi, nàng nói lên kinh nghiệm tu tập của nàng

ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau có bài kệ được các nhà kiết tập về sau thêm vào:

*400. Trong thành được đặt tên,
Tên chỉ một đóa hoa,
"Pàtaliputta",
"Con của đóa bông kèn",
Sống hai Tỷ-kheo-ni,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Thuộc gia đình Thích-ca,
Gia đình cao quyền quý.*

*401. Một I-xi-đa-xi,
Thứ hai tên Bô-dhi,
Cả hai có giới hạnh,
Ưu thích tu thiền định,
Được nghe kinh điển nhiều,
Kiết sử được trừ bỏ.*

*402. Họ đi khát thực xong,
Ăn xong, bát rửa sạch,
Ngồi hưởng lạc viển ly,
Nói lên những lời này.*

*403. Hồi I-xi-đa-xi,
Căn nàng thật thoải mái,*

*Tuổi thọ chưa tổn giảm;
Nàng thấy khuyết điểm gì,
Khiến tâm chú trọng nhiều,
Đến hạnh nguyện xuất ly.*

*404. Như vậy sống viên ly,
Thiện xảo về thuyết pháp,
I-xi-da-xi thuyết,
Lời nói như thế này,
Hãy nghe, này Bô-đi,
Ta xuất gia thế nào.*

*405. Tại thành phố thù thắng,
Đặt tên Uj-jê-ni,
Cha ta là triệu phú,
Có đức độ giới hạnh,
Ta là con gái một,
Được cha thương, yêu quý.*

*406. Từ thành Xê-kê-ta,
Một người dạm hỏi đến,
Một gia đình quyền quý,
Hỏi ta cho con trai,
Triệu phú bèn gả ta,
Làm dâu người giàu ấy.*

407. Sáng và chiều, ta đến,

*Đánh lễ cha, mẹ chồng,
Cúi đầu đánh lễ chân,
Như ta được dạy bảo.*

*408. Với chị, với em anh,
Với bà con chồng ta,
Thấy một người bước vào,
Ta e sợ mời ngồi.*

*409. Về đồ ăn, uống, nhai,
Được cất giữ có chỗ,
Ta thiết đãi cho ăn,
Thích hợp từng người một.*

*410. Ta thức dậy đúng thời,
Đi vòng quanh khắp nhà,
Rồi chà rửa chân tay,
Ta đến lễ chồng ta.*

*411. Cầm theo lược trang liệu,
Thuốc xoa mắt gương nhỏ,
Ta trang điểm chồng ta,
Như thị tỳ hầu hạ.*

*412. Ta tự nấu dọn cơm,
Ta tự rửa chén bát,
Như mẹ đối với con,*

Ta hầu chồng như vậy.

*413. Như vậy phục vụ chồng,
Với phục vụ tối thượng,
Dậy sớm không biếng nhác,
Với tâm tư khiêm tốn,
Với giới hạnh tốt đẹp,
Nhưng chồng ác cảm ta.*

*414. Chồng ta nói mẹ cha,
Xin phép con sẽ đi,
Với I-xi-đa-xi,
Con không thể sống chung,
Cùng dưới một mái nhà,
Con không thể cùng ở.*

*415. Chớ nói vậy, này con!
Vợ con người có trí,
Thông minh, biết dậy sớm,
Sao con không hoan hỷ.*

*416. Nàng không hại gì con,
Nhưng con không bao giờ,
Có thể sống chung được,
Với I-xi-đa-xi,
Con ghét cay chán ngấy,
Xin phép, con sẽ đi.*

417. Được nghe lời chồng nói,
Cha mẹ chồng hỏi con.
Làm gì xúc phạm chồng?
Hãy thẳng thắn nói thật.

418. Con không xúc phạm gì!
Không hại, không mưu tính.
Với lời nói khó chịu,
Có thể làm gì được?
Tuy vậy chồng của con,
Lại ác cảm chống con.

419. Họ đưa ta về nhà,
Nhà thân phụ của ta,
Với tâm tư khổ não,
Sửng sốt và bối rối,
Không muốn mất con trai,
Họ muốn bảo vệ nó.
Ôi, chúng ta bại trận,
Bởi nữ thần may rủi.

420. **Cha ta lại gả ta,**
Cho gia đình thứ hai,
Một gia đình giàu có,
Bằng lòng nửa số tiền,
Là tiền gả bán ta.

421. **Ta chỉ sống một tháng,**
Trong gia đình vị ấy,
Vị ấy trả lui ta,
Dầu ta tận tụy làm,
Chẳng khác người nô lệ,
Không lỗi lầm, có đức.

422. **Cha ta nói khát sĩ,**
Sống điều phục chế ngự,
Người hãy làm rể ta,
Bỏ áo rách ghè bình.

423. Vị ấy sống **nửa tháng,**
Rồi nói với cha ta,
Hãy trả lui áo rách,
Ghè bình và bình bát,
Con nay muốn sống lại,
Nghề khát sĩ của con.

424. Cha, mẹ, toàn bà con,
Liên nói với vị ấy:
Ở đây có cái gì,
Làm con không bằng lòng?
Hãy nói gấp cái gì,
Làm con không vừa ý.

425. Được nói vậy, vị ấy,
Liên trả lời như sau:
Nếu đối với tự ngã,
Con có thể bằng lòng,
Nhưng con không chung sống,
Với I-xi-đa-xi!

426. Từ giã vị ấy đi,
Một mình, ta suy nghĩ:
Ta đến để xin phép,
Hoặc chết hay xuất gia.

427. Rồi Ji-na-đạt-ta.
Vị ni sư ấy đến,
Trong khi đi khát thực,
Đến gia đình cha ta,
Vị thọ trì giới luật,
Nghe nhiều, có giới hạnh.

428. Thấy Ni sư, chúng tôi,
Đều đứng lên kính cẩn,
Và ta liền sửa soạn,
Chỗ ngồi cho Ni sư,
Ngồi xuống, ta đánh lễ,
Dưới chân bậc Ni sư,
Lễ xong, ta cúng dường,
Các đồ ăn đồ uống.

429. Các món ăn, uống, nhai,
Tại đây, được dự trữ,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Ta thừa với Ni sư,
Nay ta muốn xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Cha ta nói với ta:
"Này con hãy ở đây".

430. Hành trì đúng Chánh pháp,
Với đồ ăn đồ uống,
Hãy làm cho thỏa mãn,
Sa-môn, hai lần sanh.

431. Vừa nói, ta khóc lóc,
Chấp tay vái cha ta;
Với điều ác con làm,
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.

432. Cha ta nói với ta:
Hãy chứng ngộ Bồ-đề.
Và Chánh pháp tối thượng!
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Đã được Lương Túc Tôn,
Thành tựu và chứng đạt.

433. *Ta đánh lễ mẹ cha,
Cùng tất cả bà con,
Sau **bảy** ngày xuất gia,
Ta chứng được **Ba minh**.*

434. ***Ta biết bảy đời trước,
Quả gì nay thành thực,
Ta sẽ nói cho bạn,
Hãy nhất trí lắng nghe.***

435. *Tại thành phố đặt tên,
Ê-ra-ka-kac-chê,
**Ta sống là thợ vàng,
Tài sản thật phong phú.***

436. *Say đắm với tuổi trẻ,
Ta xâm phạm vợ người,
Do vậy, sau khi chết,
Trong cảnh giới địa ngục,
Ta bị đốt, nung nấu,
Trong một thời gian dài,
Thoát khỏi sự nung đốt,
Ta sanh trong bụng **khỉ**.*

437. *Bảy ngày từ khi sanh,
Ta **bị khỉ chúa thiến,**
Đây là quả của nghiệp,*

Do đi đến vợ người.

438. Từ đây ta chết đi,
Mệnh chung rùng Xin-đa,
Sanh trong bụng con **đê**,
Một mắt và què quặt.

439. **Mười hai năm bị thiên,**
Mang nặng những đứa con,
Sán trùng ăn vô dụng,
Do đi đến vợ người.

440. Từ đây ta chết đi,
Sanh làm con **bò cái**,
Của một lái buôn bò,
Con ghé màu đỏ sẫm,
Khi được mười hai tháng.
Lại bị người ta thiên.

441. Rồi ta lại kéo cày,
Kéo xe cho chúng nó,
Mù, lo lắng, vô dụng,
Do đi lại vợ người.

442. Từ đây chết được sanh,
Nhà **nữ tỳ gần đường,**
Không là nữ, không nam,

Do đi lại vợ người.

443. Đến tuổi **ba mươi** năm,
Bị chết, ta được sanh,
Sanh làm người con gái,
Gia đình người đánh xe,
Nghèo khổ ít tài sản,
Rơi vào tay vay lãi,
Do tiền nợ tăng trưởng,
Chủ lãi đoàn bắt ta.

444. Kéo ta, dẫu ta khóc,
Lôi ta ra khỏi nhà.

445. Khi ta mười sáu tuổi,
Lớn lên thành thiếu nữ,
Con trai thương gia ấy,
Bắt ta lấy làm vợ.

446. Nhưng nó có vợ khác,
Có giới đức danh xưng,
Lại biết thương mến chồng,
Chính ta tạo thù hằn.

447. Do quả của nghiệp này,
Họ khinh ghét chống ta,
Dẫu ta như nô tỳ,

*Hầu hạ phục vụ họ,
Nhưng nay ta chấm dứt,
Mọi sự việc như trên.*

98 **Lậu hoặc - Chính do lậu hoặc này, Bị Thần chết chi phôi - Kinh Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802**

Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni – *Tiểu I, 802*

Jatukanni:

1096. *Ja-tu-kan-ni* nói:

*Được nghe bậc anh hùng,
Không tham đắm dục vọng,
Nên con đã đến đây,
Để hỏi **bậc vô dục**,
Đã thoát khỏi bộc lưu,
Bậc sanh với con mắt,
Hãy nói đường an tịnh,
Thế Tôn hãy như thật,
Nói cho con được biết.*

1097. *Chinh phục dục vọng xong,
Thế Tôn sống ở đời,
Như mặt trời chiếu sáng,
Cõi đất với hào quang,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói pháp cho con,
Kẻ trí tuệ bé nhỏ,
Do rõ biết pháp này,*

Ở đây, con đoạn được,
Kể cả sanh và già.

Thế Tôn:

1098. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi Ja-tu-kan-ni,

Hãy nhiếp phục lòng tham,

Đối với các dục vọng,

Hãy nhìn hạnh xuất ly,

Đưa đến sự an ổn,

Chớ chấp chước, từ bỏ,

Sự vật gì ở đời.

1099. Những gì có trước Ông,

Hãy làm nó khô cạn,

Đừng có sự vật gì,

Ở phía đằng sau Ông,

Ở giữa, Ông không chấp,

Ông sẽ sống an tịnh.

1100. Hỡi này Bà-la-môn!,

Đối với danh và sắc,

Hoàn toàn không tham đắm,

Không có các lậu hoặc,

Chính do lậu hoặc này,

Bị thân chết chi phối.

99 **Lậu hoặc - Kinh Phật Thuyết Như Vây** - **Tiểu I, 361**

Kinh Phật Thuyết Như Vây – Tiểu I, 361 (Tik. I, 7) (It. 49)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba lậu hoặc** này. Thế nào là ba? **Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu**. Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Định tĩnh và tỉnh giác
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các lậu hoặc,
Và hiện hữu lậu hoặc,
Ở đây tâm được diệt,
Và con đường đến diệt,
Tỷ-kheo đã diệt tận,
Các loại lậu hoặc ấy,
Không còn có ước muốn,
Được lắng dịu, tịch tịnh.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

100 **Lậu hoặc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy** - Tiểu I, 362

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 362 (Tik. I,8) (It. 49)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba lậu hoặc** này. Thế nào là ba? **Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu**. Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

*Ai đoạn trừ dục lậu,
Ly tham thoát vô minh,
Hữu lậu được đoạn trừ,
Giải thoát khỏi sanh y,
Mang cái thân cuối cùng,
Đẹp tan cỗ xe ma.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

101 Lậu tận - 2 pháp đưa đến hỷ lạc để diệt lậu tận - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 333

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 333 (Duk.
I,10) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Đây đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại an trú với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc. Thế nào là hai?

- *Với sự hưng khởi đối với những trường hợp đáng phấn khởi,*
- *Và như lý tinh cần đối với phần khởi.*

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Bậc có trí phấn khởi,
Trường hợp đáng phấn khởi,
Vị Tỷ-kheo nhiệt tình,
Thông minh và cần trọng,*

Quán xuyên nhìn sự vật,
Với trí tuệ **Bát-nhã**,
Nhiệt tình trú như vậy,
Sống đời sống an tịnh,
Không bông bột hăng say,
Chú lực **tâm tịnh chỉ**,
Có thể đạt chứng được,
Đoạn diệt các khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

102 Lậu tận - 3 tiếng của chư Thiên - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 399

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 399 (Tik. IV, 3) (It. 75)

Này các Tỷ-kheo, giữa chư Thiên, có ba tiếng chư Thiên này thỉnh thoảng được vang lên, tùy thời được khởi lên. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, nghĩ đến xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư Thiên được vang lên: "Vì Thánh đệ tử này nghĩ đến chiến đấu với Ác ma". Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư Thiên thứ nhất, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư Thiên, tùy thời được khởi lên.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử sống chuyên tâm tu tập về **Bảy Bồ-đề phần**; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư Thiên được vang lên: "Vì Thánh đệ tử này chiến đấu với Ác ma". Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư Thiên thứ hai, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư Thiên, tùy thời được khởi lên.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử, với sự diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư Thiên vang lên: "Vị Thánh đệ tử này đã chiến thắng trong chiến trận. Đứng đầu trong chiến trận, sau khi chiến thắng, vị ấy an trú". Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư Thiên thứ ba, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư Thiên, tùy thời được khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, giữa chư Thiên có ba tiếng chư Thiên này, thỉnh thoảng được vang lên, tùy thời được khởi lên.

*Thấy đệ tử chánh giác,
Chiến thắng trong chiến trận,
Chư Thiên cũng đánh lễ,
Bậc vĩ đại như vậy,
Bậc trí tuệ chín muồi.
Chúng tôi đánh lễ Ngài,
Người được luyện thuần thực,
**Vì Ngài đã chiến thắng,
Trận đánh rất khó thắng.
Ngài đã chiến thắng được,
Quân đội của thần chết,**
Không còn trở ngại gì,
Nhờ giải thoát của Ngài.*

*Như vậy các Thiên nhân,
Đánh lễ vị như vậy,
Vị đạt được mục đích,
Chắc chắn các Thiên nhân,
Đánh lễ trong vị ấy,
Pháp gì giúp thoát được,
Khỏi thân chết chi phối.*

103 Lậu tận - Kinh Suràdha – Tiểu III, 135

Suràdha – Tiểu III, 135 (128)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm em trai của vị Ràdha, vâng theo gương của người anh, ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Để nêu rõ sự hướng dẫn các giới luật, ngài nói lên chánh trí của mình như sau:

*135. Sanh của ta đã tận,
Chiến thắng dạy, làm xong,
Lưới **danh** được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhỏ lên.*

*136. Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi **kiết sử**, diệt xong.*

104 Lậu tận - Lậu hoặc tận dành cho người biết Bốn Thánh đế - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 438

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 438 (Cat. 3)
(It. 103)

Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy.

Và này các Tỷ-kheo, cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc?

- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ tập**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ diệt**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Như vậy, này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy, "Đây là **Con đường đưa đến khổ diệt**", là sự diệt tận các lậu hoặc.

Như vậy này các Tỷ Kheo cho người biết cho người thấy là sự diệt tận các lậu hoặc.

Vị hữu học học tập,
Hành trì đường chánh trực,
Trong diệt tận ác pháp,
Là trí bậc thứ nhất,
Tiếp đến là chánh trí,
Chánh trí này vô thượng,
Tiếp theo chánh trí ấy,
Chính là sự giải thoát,
Giải thoát trí vô thượng,
Trong diệt tận, trí khôn,
Với các loại, kiết sử,
Được đoạn tận ở đây.

Không phải kẻ biếng nhác,
Kẻ ngu, không biết gì,
Có thể chứng ngộ được
Niết-bàn vô thượng này,
Sự giải thoát hoàn toàn,
Tất cả mọi trói buộc.

105 Lậu tận - Với ai lậu hoặc đoạn, Không y tựa đồ ăn - Kinh Vijaya – Tiểu III, 100

Vijaya – Tiểu III, 100 (92)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vijaya.

Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ẩn sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định. Ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, **không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

*92. Với ai, lậu hoặc đoạn,
Không y tựa đồ ăn,
Hành xứ, không, vô tướng,
Giải thoát cũng như vậy,
Như chim trên hư không,
Dấu chân thật khó tìm.*

106 Lắm mồm - Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 447 (Cat. 9)
It. 112)

Này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo nào lừa đảo ngoan cố, lắm mồm**, lắm miệng, buông thả, hỗn hào, vô lễ, không định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy không phải đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy roi khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào **không** lừa đảo, không lắm mồm, lắm miệng, nghiêm trang, không ngoan cố, khéo định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy là đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không rời khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

**Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm và buông thả,
Hỗn hào, không định tĩnh,
Những hạng người như vậy,**

*Không lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

*Không lừa đảo lắm mồm,
Nghiêm trang và bình tĩnh,
Không ngoan cố, khéo định,
Họ lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

107 Lắm mồm, lắm miệng - 4 hạng người tu - Kinh Cunda - Tiểu I, 490

Kinh Cunda – *Tiểu I*, 490

83. Người thợ rèn Cunda,
Nói lên lời như sau:
*Con hỏi bậc Đại sĩ,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Đáng Giác ngộ, Pháp chủ,
Đã đoạn tận khát ái,
Bậc tối thượng hai chân,
Bậc đánh xe tối thắng,
Xin Ngài nói ở đời,
Có bao nhiêu Sa-môn?*

Thế Tôn:

84. Chỉ có bốn Sa-môn,
Không có hạng thứ năm,
Thế Tôn đáp Cunda,
Này Cunda, là vậy.
Ta tỏ bày cho Ông,
Được hỏi điều tự thấy,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thuyết giảng con đường,

***Bậc sống trên con đường,
Kẻ làm ô uế đạo.***

Cunda:

85. *Người thợ rèn Cunda,
Liên bạch với Thế Tôn:
Chư Phật nói thế nào,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thiền định con đường,
Sao gọi không ước lường?
Con hỏi xin trả lời,
Vị sống đúng con đường?
Xin trình bày cho con,
Kẻ làm đường ô uế?*

Thế Tôn:

86. *Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Vị thoát khỏi mũi tên,
Ưa thích cảnh Niết-bàn,
Không tham đắm vật gì,
Bậc lãnh đạo thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Chư Phật gọi vị ấy,
Bậc chiến thắng con đường.*

87. Ai ở đời biết được,
Pháp tối thượng, tối thượng,
Nói lên và phân tích,
Pháp ở đây là vậy.
Vị chặt đứt nghi hoặc,
Bậc ẩn sĩ, không dục,
Bậc Tỷ-kheo thứ hai
Được gọi **thuyết con đường**.

88. Ai sống trên con đường,
Con đường pháp khéo giảng,
Sống chế ngự chánh niệm,
Bước đường không lỗi lầm,
Tỷ-kheo thứ ba này,
Được gọi **sống trên đường**.

89. Ai sống ưa che đậy,
Dưới hình thức giới cấm,
Xông xáo, nhóp gia đình,
Bạt mạng và man trá,
Không chế ngự nhiếp phục,
Sống lắm mồm, lắm miệng.
Người sở hành như vậy
Là **kẻ ô uế đạo**.

90. Vị cư sĩ thâm hiểu,
Các hạng người như vậy,

*Thánh đệ tử, nghe nhiều,
Có trí tuệ thông hiểu,
Sau khi rõ biết chúng,
Tất cả là như vậy.
Thấy vậy, vững lòng tin,
Không có bị sút giảm,
Làm sao lại lẫn lộn,
Kẻ ác với người thiện,
Làm sao xem giống nhau,
Bạc tịnh, kẻ không tịnh.*

108 Lọc vàng - Như thợ vàng lọc bụi, Trừ cầu uế nơi mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Cầu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo**,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cầu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**
Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cỏi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**
Sống lỗ mãng như quạ,

Sống công kích huênh hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng **chỉ trích**,
Người ấy **lậu hoặc tăng**,
Rất xa lậu hoặc diệt.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

109 Lỗ mãng - Dễ thay, sống không hổ, Sống lỗ mãng như quạ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Câu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo**,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**
Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cỏi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**
Sống lỗ mãng như quạ,

Sống công kích huênh hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. **Khó thay, sống xấu hổ,**
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng chỉ trích,
Người ấy **lậu** hoặc **tăng**,
Rất xa **lậu** hoặc **diệt**.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

110 Lỗi lầm - Ác nhẹ như đầu lông, Xem nặng như mây trời - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – *Tiểu III*, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Rājagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bôn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uống phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uống phí qua.*

*1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưa thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sự và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sự,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

111 Lỗi mình, lỗi người - Dễ thay thấy lỗi người, Lỗi mình thấy mới khó - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Câu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo**,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**
Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cỏi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**
Sống lỗ mẫn như quạ,

Sống công kích huênh hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng **chỉ trích**,
Người ấy **lậu hoặc tăng**,
Rất xa lậu hoặc diệt.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

112 Lỗi mình, lỗi người - Không nên nhìn lỗi người, Người làm hay không làm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40

Phẩm Hoa – *Tiểu I*, 40

44. "Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này,
Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

45. "Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

46. "*Biết thân như bột nước,*
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của ma,
Vượt tâm mắt thần chết."

47. "Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lụt trôi làng ngủ."

48. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục."

49. "Như ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng".

50. "Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm."

51. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Không làm, không kết quả."

52. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Có làm, có kết quả."

53. "Như từ một đồng hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.

Cũng vậy, thân sanh tử,
Phải làm nhiều việc lành."

54. "Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng **hương người đức hạnh**
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời."

55. "Hoa chiên đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng."

56. "Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiên đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới."

57. "Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường."

58. "Như giữa đồng rác nhóp,
Quăng bỏ trên đường lớn,

Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người."

59. "Cũng vậy, giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với **Tuệ Trí**."

113 Lời Phật dạy Tỷ kheo ni có tâm dao động - Kinh Guttà – Tiểu III, 622

Guttà – Tiểu III, 622 (56)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và tên là Guttà.

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nhàm chán đời sống gia đình và được phép gia đình cho xuất gia, dưới sự lãnh đạo của Mahàpajàpati.

Sau đó dầu nàng hành trì với tín tâm, nhưng tâm của nàng cứ chạy theo ngoại cảnh và do vậy nàng không thiền định được. Rồi bậc Đạo Sư muốn khích lệ nàng, phóng hào quang và hiện ra trước mặt nàng và nói lên bài kệ như sau:

163. *Vì mục đích tối thượng,
Guttà, người xuất gia,
Tìr bỏ cả con cái,
Cho đến bản thân mình,
Hãy nhiệt tâm hành trì,
Chớ để tâm chi phối.*

164. Tâm lừa đảo chúng sanh,

*Ưa ác ma lãnh vực,
Luân hồi nhiều đời sống,
Chúng dong ruổi, si mê.*

165. *Dục vọng và sân hận,
Kẻ cả với thân kiến,
Cộng thêm giới cấm thủ,
Với nghi hoặc thứ năm.*

166. *Hỡi này, Tỷ-kheo-ni,
Từ bỏ kiết sử này,
Là hạ phần kiết sử,
Người hết lại đời này.*

167. *Hãy tránh xa tham mạn,
Vô minh và trạo cử,
Chặt đứt kiết sử xong,
Người sẽ dứt đau khổ.*

168. *Quảng bỏ vòng sanh tử,
Liễu tri sự tái sanh,
Hiện tại không ước vọng,
Người sẽ sống an tịnh.*

114 Lời dạy của Trưởng lão Godatta - Kinh Godatta – Tiểu III, 355

Godatta – *Tiểu III*, 355 (245)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình lữ hành và đặt tên là *Godatta*. Sau khi cha chết, ngài sắp đặt nhà cửa, đem theo năm trăm cỗ xe hàng hóa, đi chỗ này chỗ khác, sống bằng nghề buôn bán.

Một hôm, một con **bò** ngã quỵ xuống đường, trong khi kéo xe, và các người làm công của ngài không thể đỡ con bò đứng dậy được, ngài tự đi đến đánh con bò rất nặng.

Con bò tức giận vì **sự tàn bạo** của ngài nói lên giọng người: "*Này Godatta, đã lâu ta đem tất cả sức lực ta kéo gánh nặng cho ông, nhưng nay ta không đủ sức kéo nên phải ngã quỵ xuống, ông đánh đập ta tàn nhẫn. Vậy chỗ nào ông tái sanh, ta cũng sẽ sanh làm kẻ thù của ông để làm hại ông!*".

Ngài nghe vậy rất lấy làm xúc động, tự nghĩ: "Sao lại sống làm hại các loài hữu tình như vậy?". Rồi ngài từ bỏ tất cả tài sản, xin xuất gia với một vị Trưởng lão, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, khi ngài đang hưởng thọ sự an lạc giải thoát, ngài thuyết pháp cho chúng xuất gia và tại gia về các pháp thế gian:

659. *Như con bò giống tốt,
Được huấn luyện tốt đẹp,
Bị cột vào gánh nặng,
Mang gánh nặng kéo đi,
Bị áp đè quá nặng,
Không lật đổ gánh nặng.*

660. *Cũng vậy, ai nhiều tuệ,
Như nước ở trong biển,
Không khinh miệt người khác,
Thánh pháp là như vậy,
Đối với các hữu tình.*

661. *Sống trong vòng thời gian,
Bị thời gian hàng phục,
Hữu, phi hữu chi phối,
Loài Người chịu đau khổ,
Con cháu họ sầu ưu,
Chính ngay trong đời này.*

662. *Hân hoan, khi được lạc,
Gặp khổ lại chán chường,
Kẻ ngu bị nã hại,*

*Chi phối cả hai đường,
Không thấy được như thật.*

663. Những ai giữa khổ lạc,
Người dật không chi phối,
Đứng vững như cột cửa,
Không hân hoan, chán chường.

664. Đối với *được* hay *mất*,
Vớ danh, vớ không danh,
Đối với *chê* hay *khen*,
Vớ khổ hay vớ lạc.

665. Chúng tôi dính chỗ nào,
Nhu giọt nước trên sen,
Bạc anh hùng mọi chỗ,
Được lạc, không bị bại.

666. Người đúng pháp không được,
Người được, không đúng pháp,
Đúng pháp nhưng không được,
Hơn được không đúng pháp.

667. Người có danh, ít trí,
Người có trí, không danh,
Không danh, nhưng có trí,
Hơn ít trí, có danh.

668. Được khen bởi kẻ ngu,
Bị chê bởi kẻ trí,
Được kẻ trí **chê** bai,
Hơn được người ngu **khen**.

669. Lạc do dục đem lại,
Khổ do viển ly sanh,
Khổ do viển ly sanh,
Hơn **lạc do dục** sanh.

670. Làm phi pháp để sống,
Làm đúng pháp, có chết,
Làm **đúng** pháp, có **chết**,
Hơn **sống, làm phi pháp**.

671. Ai đoạn dục, phần nộ,
Tâm tịnh hữu, phi hữu,
Sống ở đời, không ái,
Không thương yêu ghét bỏ.

672. Sau khi tu **Giác chi**,
Các căn và các lực,
Đạt tịch tịnh tối thắng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

115 Lời dạy của Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và **là một vị hùng biện vô địch.**

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tư tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

116 Lời dạy của Trưởng lão Sona - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng không thể định tâm vì có liên lạc với đông người khi sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá

được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống
ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau
đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành,
nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt
được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt
con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt
hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học
của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập
tịnh chỉ. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và
sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố
chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ấng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,
Phóng dật, ưa vị ngoài,*

*Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.*

635. *Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.*

636. *Những ai khéo tinh cần,
Thường tu tập **niệm thân**,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.*

637. ***Trên đường thẳng được thuyết,**
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,*

638. *Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng **ví dụ chiếc đàn**,
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.*

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. *Ai chuyên nhất xuất ly,
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.*

641. *Ai chuyên nhất ái diệt,
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm được khéo giải thoát.*

642. *Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.*

643. *Như một hòn đá tảng,
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.*

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

117 Lời dạy của Trưởng lão Sàriputta - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chứng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thụy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Rājagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. ***Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.***

982. ***Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,***

Tỷ-kheo trú chánh niệm.

983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chạng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đời nắm được?

988. *Nghe* nhiều, có hiên **trí**,
Khéo **định** tĩnh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. *Ai chuyên tâm hý luận,*
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. *Ai từ bỏ hý luận,*
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. *Tại làng hay trong rừng,*
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,*
Chỗ người phạm không ưa,

*Vị ly tham sẽ thích,
Vị không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

*993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gán người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

*994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chứng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một góc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,*

U-pa-tis tu thiền.

999. Đây đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Vội im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

1003. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

1004. *Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

1005. *Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muện,
Chịu khổ trong địa ngục.*

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,**

Ý trong sáng không nhiễm,

**Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

*1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

*1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

*1011. Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.*

*1012. **Thiền tư** luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,
Ưu thích chấp thủ diệt,
Vì ấy gọi **chân nhân.***

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.*

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,
Bậc đại trí, thiên định,
Như đất, nước và lửa,
Không tham, không ghét bỏ.*

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.*

Để nêu rõ bốn phạm của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

**1017. *Tỉnh cần, chớ phóng dật,
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.***

118 Lời dạy của Trưởng lão Upasena - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328 - copie

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III, 328* (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

119 Lời dạy của trưởng lão Mahà Kassapa - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyển pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtitha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến Sàgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới góc cây,
Và y từ đóng rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương.**

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chặn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Ty-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Ty-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Ty-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bấp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa dòng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

*Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.*

*1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.*

*1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.*

*1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.*

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiên tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lường được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

120 Lời khuyên đến tốt lành - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19

Pilinda Vaccha – *Tiểu III, 19 (9)*

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda*. *Vaccha* là tên của dòng họ.

Ngài trở thành một án sĩ và được một bùa phép tên là *Tiểu Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. **Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực.**

Khi ngài nghe được bùa phép *Đại Gandhàra* làm bùa phép *tiểu Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Samôn Gotama biết được bùa phép *Đại Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: "Phải xuất gia", ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chúng được bùa phép nên vâng lời theo.

Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp **thiền quán**, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là

vị Tỷ-kheo **được chư Thiên ái kính**, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

*Ta đến **pháp tối thượng**.*

121 Lời khéo nói - 4 chi phần - Kinh Khéo Thuyết - Tiểu I, 605

Kinh Khéo Thuyết – *Tiểu I*, 605 (Sn 78)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana... Thế Tôn nói như sau:

- Thành tựu **bốn chi phần**, này các Tỷ-kheo, lời nói được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- **Chỉ nói** *lời khéo nói*, không nói lời vụng nói;
- Chỉ nói *lời đúng pháp*, không nói lời phi pháp;
- Chỉ nói *lời khả ái*, không nói lời phi khả ái;
- Chỉ nói *lời đúng sự thật*, không nói lời không đúng sự thật.

Thành tựu với bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, lời nói là được khéo nói không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

450. *Bậc Thiện nhân nói lên,*

*Lời khéo nói tối thượng,
Thứ hai, nói đúng pháp,
Thứ ba, nói khả ái,
Không nói phi khả ái,
Thứ tư, nói chân thật,
Không nói không chân thật.*

Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Ý nghĩ này đến với con, bạch Thiện Thệ.

- Hãy nói lên ý kiến ấy, này Vangisa!

Rồi Tôn giả Vangisa, trước mặt Thế Tôn, nói lên lời tán thán với những bài kệ thích ứng:

Vangisa:

**451. *Hãy nói lên lời nói,
Không thiêu đốt tự ngã,
Không làm hại người khác,
Lời nói ấy khéo nói.***

**452. *Hãy nói lời khả ái,
Nói lời khiến hoan hỷ,
Không mang theo ác hại,
Khiến người khác ưa thích.***

453. Chân thật, **lời bất tử**,
Đây thường pháp là vậy,
Họ nói, **bậc Thiện nhân**,
An trú trên chân thật,
Trên mục đích, trên pháp.

454. **Lời gì đức Phật nói,**
An ổn, đạt Niết-bàn,
Đoạn tận các khổ đau,
Đấy lời nói tối thượng.

122 Lời nói được thận trọng, Tâm tư khéo hộ phòng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. **Người hãy nhiệt tình làm,**
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Với Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đón rùng không đón cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đón rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lạt trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.

123 Lời phát nguyện trong quá khứ - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34

Nandiya – Tiểu III, 34 (25)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: "*Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà*" và đặt tên ngài là *Nandiya*.

Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, **Ác-ma** muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dữ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: "*Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của người. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh*".

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

*Nếu Nhà ngươi muốn chống,
Hỡi này kẻ Quỷ đen!
Ngươi đi đến đau khổ.*

124 Lời phát nguyện trong quá khứ - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33

Sugandha – Tiểu III, 33 (24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau **bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán**. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy **pháp tánh** các pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.

125 Lời phát nguyện trước các Đức Phật quá khứ - Kinh Tissa – Tiểu III, 105

Tissa – Tiểu III, 105 (97)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố Roguva trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của **vua** cha.

Như một đồng minh với vua Bimbisàra, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc và y áo. Vua gửi ngài **đời sống của đức Phật** vẽ trên tám tranh và **lý duyên khởi** được khắc trên một đĩa bằng vàng.

Khi ngài thấy vật này, vì lời phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên **đời sống cuối cùng**, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần, cho đến khi ngài cảm thấy dao động và đi đến kết luận: "*Nay ta đã được thấy hình dung của Thế Tôn cùng với quá trình giáo lý của Ngài. Các **đức** đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gì?*"

Rồi ngài thoái vị, xuất gia, cầm bát bằng đất và với một số quần chúng đi theo và khóc than, như Hoàng tử Pukkusàti, ngài từ bỏ hoàng cung, đi đến Rajagaha (Vương Xá). Tại đây, ngài ở tại hang Sabhasondika

và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán.

Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ:

*97. Từ bỏ trăm bình bát,
Bằng đồng, vàng quý giá,
Ta cầm lấy bình bát,
Làm bằng đất sét thường,
Đây là lần thứ hai,
Ta làm lễ quán đảnh.*

126 Lợi danh - Đội quân của ác ma - Kinh Tĩnh Căn - Tiểu I, 600

Kinh Tĩnh Căn – Tiểu I, 600 (Sn 74)

Thế Tôn:

425. Bên sông Ni-liên-thuyền,
Ta tỉnh cần tỉnh tấn,
Cố gắng, Ta thiền định,
Đạt an ổn khổ ách.

426. Ác ma đến gần Ta,
Nói lên lời từ mẫn,
Ông ốm không dung sắc,
Ông đã gần chết rồi.

427. Cả ngàn phần, Ông chết,
Chỉ một phần còn sống,
Hãy sống, sống tốt hơn,
Sẽ làm các công đức.

428. Như Ông sống Phạm hạnh,
Hãy đốt lửa tế tự,
Hãy chất chứa công đức,
Ông tỉnh tấn làm gì?

429. *Khó thay, đường tình tẩn,
Khó làm, khó đạt được.
Ác ma đứng gần Phật,
Nói lên những kệ này.*

430. Thế Tôn đã đáp lại,
Lời Ác ma như sau:

*Bà con ác phóng dật,
Ngươi đến đây làm gì?*

*431. Với công đức nhỏ bé,
Ta đâu có cần đến?
Với ai cần công đức,
Ác ma đáng nói chúng.*

432. Đây có **tín**, tình **tẩn**,
Và Ta có trí **tuệ**,
Như vậy, Ta tình tẩn,
Sao Ngươi hỏi Ta sống?

433. Gió này làm khô cạn,
Cho đến các dòng sông,
Làm sao khô cạn máu,
Khi Ta sống tình tẩn?

434. **Dầu máu có khô cạn,**

*Mật, đàm Ta khô cạn,
Dầu thịt có hủy hoại,
Tâm Ta càng tịnh tín,
Ta lại càng vững trú,
Niệm, tuệ và thiền **định**.*

435. *Do Ta sống như vậy,
Đạt được thọ tối thượng,
Tâm không cầu các dục,
Nhìn chúng sanh thanh tịnh.*

436. **Dục**, **đội quân thứ nhất**.
*Thứ hai, gọi **bất lạc**,
Thứ ba, **đói** và **khát**,
Thứ tư, gọi **tham ái**.*

437. *Năm, **hôn trầm** thụy miên,
Thứ sáu, gọi **sợ hãi**,
Thứ bảy, gọi **nghi ngờ**,
Tám, **dèm pha ngoan cố**.*

438. **Lợi, danh** và **cung kính**,
Danh vọng được tà vạy,
Ai tự đề cao mình,
Hủy báng các người khác.

439. *Ôi, này Na-mu-ci,*

Đây là quân đội Ngươi,

Đây quân đội chiến trận,
Của dòng họ Kanhà,
Kẻ nhất, không thắng Ngươi,
Ai thắng Ngươi, được lạc.

440. Ta mang cỏ munja,
Vững thay, đây đời sống,
Thà Ta chết chiến trận,
Tốt hơn, sống thất bại.

441. Bị thấy đắm ở đây,
Số Sa-môn, Phạm chí,
Không biết được con đường,
Bậc giới đức thường đi.

442. Thấy khắp quân đội dàn,
Ác ma trên lưng voi,
Ta bước vào chiến trận,
Không để ai chiếm đoạt.

443. Đội ngũ quân nhà Ngươi,
Đời này và chư Thiên,
Không một ai thắng nổi,
*Ta đến Ngươi với tuệ,
Như hòn đá đập nát,
Chiếc bát chưa nung chín.*

444. **Nhiếp phục được tâm tư,
Khéo an trú chánh niệm,**

*Ta sẽ đi bộ hành,
Nước này qua nước khác,
Để huấn luyện rộng rãi,
Cho những người đệ tử.*

445. Không phóng dật, tinh cần,
Họ hành lời Ta dạy,
Dầu Ngươi không muốn vậy,
Họ vẫn sẽ đi tới,
Chỗ nào họ đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

Ác-ma:

446. **Bảy năm**, ta bước theo,
Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm,
Nơi Thế Tôn chánh niệm.

447. **Như quạ bay xung quanh,**
Hòn đá như đóng mở,
Có thể có gì mềm?
Có thể có gì ngọt?

448. *Không tìm được gì ngọt,
Quạ từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,
Ta bỏ Gotama.*

449. *Bị sâu muộn chi phối,
Cây đàn rơi khỏi nách,
Kẻ Dạ-xoa ác ý,
Tại đây liền biến mất.*

127 Lợi dưỡng - Bị cung kính chinh phục - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 397

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 397 (Tik. IV, 2) (It. 73)

Này các Tỷ-kheo, **Ta đã thấy** các chúng sanh **bị cung kính chinh phục**, bị tâm cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh **bị không cung kính chinh phục**, tâm bị không cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi **tâm bị chinh phục, bị xâm chiếm bởi cả hai** cung kính và không cung kính, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, **sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này:**

- "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm

chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, khi bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Và nay các Tỷ-kheo, **vì rằng Ta tự mình biết**, tự mình thấy, tự mình tìm ra nên Ta tuyên bố rằng:

- "Nay các Tỷ-kheo, ta đã thấy các chúng sanh, khi bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, khi bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính, sau khi thân hoại mạng

chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

*Ai khi được cung kính,
Khi không được cung kính,
Trong cả hai trường hợp,
Tâm định không lay chuyển.
Sống hạnh không phóng dật,
Tâm thường nhập thiền tư,
Với tâm tưởng tế nhị,
Chánh quán các sở kiến,
Ưu thích chấp thủ diệt,
Được gọi **bậc chân nhân.***

128 Lợi dưỡng, cung kính - 3 tầm tư bất thiện - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 396

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 396 (Tik. IV, 1) (It. 72)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tầm tư bất thiện** này. Thế nào là ba?

- Tầm tư liên hệ đến **tự đề cao mình**.
- Tầm tư liên hệ đến **lợi dưỡng**, cung kính, danh vọng.
- Tầm tư liên hệ đến **lo lắng cho người khác**.

Này các Tỷ-kheo, có ba tầm tư bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai có sự liên hệ,
Tự đề cao chính mình,
Liên hệ đến lợi dưỡng,
Cung kính và tôn trọng,
Ai ưa thích, vui thích,
Làm thân, làm bạn hữu,
Nhưng vị ấy đứng xa,
Diệt tận các kiết sử.*

*Ai từ bỏ con cái,
Từ bỏ các loài vật,
Từ bỏ các lễ cưới,
Bỏ cất chứa tài sản,
Tỷ-kheo ấy có thể,
Chúng Bồ-đề vô thượng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

129 Lợi mình, lợi người - Dầu lợi người bao nhiêu, Chớ quên phần tư lợi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65

Phẩm Thế Gian – *Tiểu I*, 65

167. Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.

168. "Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.

172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

173. Ai dùng các hanh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.

175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,

Ai nói lời vọng ngũ,
Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét **bố thí**,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.

178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tôi thắng.

130 Lợi ích giữa cư sĩ và tu sĩ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 445

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 445 (Cat. 8)
(It. 111)

Này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn gia chủ rất có lợi ích cho các Thầy, chính họ đã sắp đặt y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh cho các Thầy.

Này các Tỷ-kheo, các Thầy cũng rất có lợi ích cho các người Bà-la-môn gia chủ, vì các Thầy thuyết pháp cho họ, pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, **Phạm hạnh này được sống, do tương duyên với nhau, với mục đích vượt qua dòng nước mạnh, đoạn tận khổ đau.**

*Có nhà và không nhà,
Cả hai nương tựa nhau,
Chứng đạt được diệu pháp,
Ách an ổn, vô thượng,
Từ các vị có nhà,
Vị không nhà nhận được,
Y áo, các vật dụng,*

*Giường nằm và chỗ ngồi,
Nhờ vậy tránh khỏi được,
Các nguy hiểm nhọc nhằn.*

*Các vị trú gia đình,
Uớc mong mến gia đình,
Nương tựa bậc Thiện Thệ,
Lòng tin bậc Ứng Cúng,
Lòng tin Thánh trí tuệ,
Họ tu tập thiền định,
Ở đây, hành trì pháp,
Con đường đến cõi lành,
Hân hoan trong thiên giới,
Họ sống được hoan hỷ,
Như điều họ mong muốn.*

131 Lợi, bất lợi, dao động, Họ không chứng thiên định - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110

Setuccha – Tiểu III, 110 (102)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một vị vua địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi **vua**.

Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thế Tôn thuyết pháp, xuất gia, chứng quả A-la-hán. Căn nhắc trong bài kệ, chống đối đời thế tục, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*102. Bị kiêu mạn lừa đảo,
Tâm uế nhiễm trong hành,
Lợi, bất lợi, dao động,
Họ không chứng thiên định.*

132 Lừa đảo - Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 447 (Cat. 9) It. 112)

Này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo nào lừa đảo ngoan cố, lấm mồm**, lấm miệng, buông thả, hỗn hào, vô lễ, không định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy không phải đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy roi khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào **không** lừa đảo, không lấm mồm, lấm miệng, nghiêm trang, không ngoan cố, khéo định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo ấy là đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không rời khỏi Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

**Lừa đảo và ngoan cố,
Lấm mồm và buông thả,
Hỗn hào, không định tĩnh,
Những hạng người như vậy,**

*Không lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

*Không lừa đảo lắm mồm,
Nghiêm trang và bình tĩnh,
Không ngoan cố, khéo định,*
*Họ lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

133 Lửa - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Tissa – Tiểu III, 48

Tissa – Tiểu III, 48 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bốn phận của mình được hăng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miêng liền hiện đến trước ngài, thức ngài dậy với bài kệ:

39. Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.

134 Lửa - Như bị kiếm chém xuống, Như bị lửa cháy đầu - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49

Vaddhamàna – *Tiểu III*, 49 (40)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng.

Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác** và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

*40. Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, **đoạn tham hữu**.*

135 Lửa - Sao ông không đốt thứ lửa khác _ - Kinh Jotidàra – Tiểu III, 140

Jotidàra – Tiểu III, 140 (132)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh làm con một Bà-la-môn giàu có, ở xứ Pàdiyattha, được đặt tên là Jotidàsa.

Khi đến tuổi trưởng thành, một hôm, ngài thấy Tôn giả Đại Ca-diếp (Mahà Kassapa) đi khát thực, ngài đón Tôn giả tại nhà và nghe Tôn giả thuyết pháp. Trên một ngọn đồi gần làng, ngài dựng lên một tinh xá lớn cho Tôn giả, cúng dường Tôn giả bốn vật dụng cần thiết. Bị xúc động với lời dạy của Tôn giả, ngài xuất gia và không bao lâu chứng được **sáu thắng trí**.

Sau mười năm, ngài học ba Tạng (???), đặc biệt là Luật tạng, hầu hạ Tăng chúng và đi Sàvatthi cùng với một số đông Tỷ-kheo để yết kiến đức Phật.

Trên đường đi, ngài đi đến vườn của một ẩn sĩ, thấy một Bà-la-môn hành trì khổ hạnh năm pháp ngài hỏi: **"Này Bà-la-môn, sao Ông không đốt với một thứ lửa khác?"**

Vị Bà-la-môn tức giận trả lời: "Này kẻ trọc đầu kia, ngọn lửa khác là gì?" Trưởng lão trả lời:

*Sân, tật đố, ác hạnh,
Mạn, kiêu và tranh chấp,
Tham ái và vô minh,
Lòng ưa muốn tái sanh,
Những pháp này đốt cháy,
Thieu đốt cả thân ông.*

Rồi ngài thuyết pháp cho người ấy, và tất cả những người tin vào Phạm thiên xin ngài được xuất gia. Khi từ giã Sàvatthi, ngài đến thăm gia đình cũ của ngài và giáo giới các bà con như sau:

*143. Những ai dùng dây thừng,
Hành cướp giết nhiều cách,
Những dân họ hung bạo,
Làm não hại người khác,
Như vậy, họ gieo hại,
Vì **nghiệp** không tiêu mất.*

*144. Người nào làm nghiệp gì,
Nghiệp thiện hay nghiệp ác,
Họ thừa tự nghiệp ấy,
Loại nghiệp họ đang làm.*

136 Lửa - Tà kiến Thờ lửa - Kinh NadiKassapa – Tiểu III, 240

NadiKassapa – *Tiểu III*, 240 (203)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha (Ma-kiệt-đà), là **anh của Kassapa**. Ngài thiên hỷ đời sống xuất gia, không ưa thích đời sống gia đình, và ngài trở thành một **ẩn sĩ**.

Với **ba trăm đồ chúng**, ngài sống một đời sống ẩn sĩ trên bờ sông Neranjarà (Ni-liên-thiên), và do vậy ngài được biết và được gọi là **Kassapa ở bên sông (Nadi-Kassapa)**. Ngài được Thế Tôn giáo hóa cùng với hai anh em, như đã được ghi trong Luật tạng. Sau khi Thế Tôn thuyết **kinh Lửa Bốc Cháy**, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tư trên thiên chứng, ngài nói lên chánh trí của mình, bằng cách nhô lên các sai lầm:

339. **Thật lợi ích cho ta,
Đức Phật đến tại đây,
Đến con sông tên gọi
Sông Nê-răn-ja-ra,
Ta nghe pháp ngài giảng,
Đoạn tận các tà kiến.**

340. Ta hành lễ tế tự,
Đọc cao lời tế lễ,
Ta đốt lên **lửa thiêng**,
Đổ cúng dường vào lửa,
Nghĩ rằng ta thanh tịnh,
Ta thật mù, phàm phu.

341. Lang thang **rừng tà kiến**,
Bị giới cấm, mờ mắt,
Không tịnh, nghĩ thanh tịnh,
Mù lòa, ta không thấy.

342. Ta đoạn tận **tà kiến**,
Mọi sanh hữu phá tan,
Ta đốt lên ngọn lửa,
Xứng đáng được cúng dường,
Ta cúi mình đánh lễ,
Bạc Như Lai Điều Ngự.

343. **Mọi si mê, ta đoạn,**
Hữu ái được phá hủy,
Đường sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

137 Lửa - Từ bỏ thờ lửa, theo chánh pháp, chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189

Anganika Bhàradvāja – *Tiểu III*, 189 (170)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh gần núi Hy-mã-lạp-sơn, trong thành phố Ukkattha, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là *Anganika Bhàradvāja*. Khi ngài được học xong giáo điển và nghệ thuật Vệ-đà, ngài hướng về giải thoát.

Trong khi bộ hành chỗ này chỗ khác, ngài gặp bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đang du hành ở vùng quê, và với tâm tư tín thành, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng. **Từ bỏ tà khổ hạnh**, ngài xuất gia, tu tập **thiền quán**, và sau một thời gian chứng được **sáu thắng trí**.

Sau khi sống tận hưởng vị ngọt giải thoát, ngài với lòng thương đối với bà con, đến thăm và dạy họ về quy y và giới luật. Rồi từ giã các bà con, ngài sống trong một ngôi rừng gần làng Kundiya của dân tộc Kuru. Khi có việc đi đến Uggàyàman, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi: **"Thưa Tôn giả Bhàradvāja, do ngài thấy gì mà ngài từ bỏ giáo hội Bà-la-môn,**

và chấp nhận giáo hội này?" Ngài nêu rõ, ngoài giáo hội đức Phật, không có giới thanh tịnh, ngài nói:

219. Trong rừng ta thờ lửa,
Truyền thống không chơn chánh,
Không biết đường thanh tịnh,
Theo khổ hạnh bất tử.

220. Với lạc, ta được lạc,
Hãy xem pháp, tùy pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.

221. Trước bà con Phạm chí,
Nay ta chính Phạm chí,
Ba minh, ta quán đảnh,
An ổn ta đạt được,
Thông hiểu đúng Chánh pháp,
Thuần thực lời Phật dạy.

Khi các Bà-la-môn ấy nghe ngài nói, các vị ấy chấp nhận và từ bỏ rất là phần khởi.

138 Lửa nào bằng lửa tham, Chấp nào bằng sân hận - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Cầu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo**,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu ế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cầu ế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**
Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cỏi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**
Sống lỗ mẫn như quạ,

Sống công kích huênh hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng **chỉ trích**,
Người ấy **lậu hoặc tăng**,
Rất xa lậu hoặc diệt.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

139 Lửa nào sánh lửa tham, Ác nào bằng sân hận - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,

Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,
Bạc nghe nhiều, trì giới,
Bạc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

140 Lửa tham sân si - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 422 (Tik.
V, 4) (It. 92)

Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này. Thế nào là ba?
Lửa tham, lửa sân, lửa si. Này các Tỷ-kheo, có ba
loại lửa này.

*Lửa **tham** đốt cháy người,
Say mê trong các dục,
Còn lửa **sân** đốt cháy,
Những người có sân hận,
Những người giết, sát hại,
Các loại có sanh mạng.
Còn lửa **si** đốt cháy,
Những kẻ bị mê muội,
Những kẻ không tinh luyện,
Trong giáo pháp bậc Thánh.*

*Do **không** được biết rõ,
Các loại lửa như vậy,
Nên loài Người ưa thích,
Vui thích với có **thân**.
Họ làm cảnh địa ngục,
Được lớn mạnh tăng trưởng,*

*Kể cả giới bàng sanh,
Chỗ sanh xứ súc vật,
Cùng với A-tu-la,
Với cảnh giới quỷ đói,
Họ không được thoát khỏi,
Trói buộc của Ác ma.*

*Nhưng ai ngày và đêm,
Chú tâm vào, chuyên học,
Học những lời giảng dạy,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác.
Họ làm cho lắng dịu,
Ngọn lửa của lòng tham,
Luôn luôn ý thức được,
Tánh bất tịnh sự vật.*

*Với lòng thương, từ mẫn,
Những hạng người tối thượng,
Làm lắng dịu, chỉ tịnh,
Ngọn lửa của sân hận.*

*Còn ngọn lửa si mê,
Với trí tuệ dập tắt,
Trí tuệ này đưa đến,
Thể nhập vào chân lý.*

*Bậc thân trọng sáng suốt,
Ngày đêm làm lắng dịu,
Các loại lửa như vậy,
Không có biết mệt mỏi,*

Họ làm cho lắng dịu,
Không một chút dư tàn,
Những bậc Thánh đã thấy,
Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,
Thấy được nhờ chánh trí,
Do họ thắng tri được,
Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,
Sanh đi rồi sanh lại.

141 Lửa tham, lửa sân, lửa si - Kinh Sisupacàlà – Tiểu III, 633

Sisupacàlà – Tiểu III, 633 (61)

Câu chuyện giống như hai câu chuyện trước. Nàng theo gương người anh, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Hưởng thọ sự an lạc, nàng suy tư đến quả chứng, đã làm những điều cần làm và nói lên sự sung sướng của nàng:

196. *Tỷ-kheo-ni giữ giới,
Khéo hộ trì các căn,
Đạt được đạo an tịnh,
Nước cam lồ thuần tịnh.*

Ác ma:

197. *Chư Thiên cõi Ba mươi,
Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tỳ Tại.
Hãy hướng tâm chỗ ấy,
Chỗ xưa kia nàng sống.*

Khi Trưởng lão ni nghe vậy, liền nói: "**Hãy dừng lại, Ác ma! Dục giới mà ngươi nói đến, cho đến cả thế giới vũ trụ đều bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy. Tại chỗ ấy, người có trí không ưa thích**". Nêu rõ cho Ác ma thấy tâm của mình đã xa lìa Ma giới, nàng trách mắng Ác ma như sau:

198. *Chư Thiên cõi Ba mươi,
Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tự Tại.*

199. *Thời này đến thời khác,
Hữu này đến hữu khác,
Chúng đều bị thân kiến,
Lãnh đạo và chi phối,
*Chúng không vượt thân kiến,
Luân chuyển vòng sanh tử.**

200. *Toàn thế giới bốc cháy,
Toàn thế giới đồng cháy,
Toàn thế giới bùng cháy,
Toàn thế giới rung động.*

201. *Phật thuyết pháp cho ta,
Pháp bất động vô tỷ,
Được bậc không phạm phu,*

*Phục vụ và nhiệt hành,
Chỗ ấy, tâm ý ta,
Hân hoan và ưa thích.*

*202. Ta nghe lời vị ấy,
Sống vui trong giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*203. Mọi chỗ, **hỷ diệt đoạn**,
Khởi si ám tan tàn,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị bại, Ma Vương.*